



**TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**  
**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 1**

**EVNPECC1**

**Hà Nội, tháng 04 năm 2023**

# MỤC LỤC

<b>I. Thông tin chung .....</b>	<b>1</b>
1. Thông tin khái quát.....	1
2. Mô hình quản trị và tổ chức .....	12
3. Định hướng phát triển .....	16
4. Các rủi ro .....	17
<b>II. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 .....</b>	<b>18</b>
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh .....	19
2. Lao động, thu nhập, tiền lương .....	22
3. Tình hình đầu tư .....	23
4. Tình hình tài chính .....	24
5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.....	35
6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	36
<b>III. Báo cáo đánh giá của ban Tổng Giám đốc .....</b>	<b>38</b>
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	38
2. Tình hình tài chính .....	39
3. Những kết quả Công ty đã đạt được.....	39
4. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý .....	40
5. Dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.....	41
6. Vấn đề khác .....	41
<b>IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty .....</b>	<b>41</b>
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....	41
2. Kết quả đạt được .....	43
3. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.....	44
<b>V. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2024.....</b>	<b>44</b>
<b>VI. Quản trị Công ty .....</b>	<b>45</b>
<b>VII. Báo cáo Tài chính .....</b>	<b>52</b>
1. Thông tin về đơn vị kiểm toán độc lập.....	52
2. Ý kiến kiểm toán đối với Báo cáo tài chính hợp nhất.....	52
3. Ý kiến kiểm toán đối với Báo cáo tài chính riêng.....	53
<b>VIII. Công bố thông tin.....</b>	<b>54</b>

## **I. Thông tin chung**

1. Thông tin khái quát
  - 1.1. Thông tin về doanh nghiệp
    - Tên giao dịch
    - + Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1
    - + Tên tiếng Anh: Power Engineering Consulting Joint Stock Company
    - + Tên viết tắt: PECC1.
    - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100953 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/01/2008, cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 11/05/2021.
    - Vốn điều lệ: 266.913.190.000 đồng
    - Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành: 26.691.319 cổ phần.
    - Số lượng cổ phiếu quỹ: Không
    - Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2023: **361.418.677.001** đồng.
    - Địa chỉ: Km9+200 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
    - Số điện thoại: (84-4) 22148368; (84-4) 38544270
    - Số fax: (84-4) 35520670; (84-4) 3854120
    - Website: <http://www.pecc1.com.vn>
    - Mã cổ phiếu: TV1
    - Sàn giao dịch: UPCoM
  - 1.2. Quá trình phát triển

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 hình thành và phát triển liên tục trên 50 năm qua các giai đoạn sau:

    - Viện thiết kế Tổng hợp thành lập năm 1960, đến năm 1967 được đổi tên thành Viện Quy hoạch và thiết kế điện, năm 1980 là Viện thiết kế điện
    - Ngày 01/07/1982, Công ty Khảo sát và thiết kế điện được thành lập trên cơ sở hợp nhất Viện thiết kế điện, Trung tâm nghiên cứu và thiết kế thủy điện và Công ty khảo sát địa chất thủy lợi.
    - Năm 1988, Công ty đổi tên thành Công ty khảo sát thiết kế điện 1; và năm 1999, đổi tên thành Công ty Tư vấn xây dựng điện 1.
    - Ngày 02/01/2008 Công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần với vốn điều lệ ban đầu là 100 tỷ đồng. Hiện nay, vốn điều lệ của Công ty là 266.913.190.000 đ, tương ứng 26.691.319 cổ phần; trong đó: Tập đoàn Điện lực Việt Nam nắm giữ 14.504.227 cổ phần, tương đương 54,341% vốn điều lệ, ông Lê Minh Hà nắm giữ 3.776.825 cổ phần, tương đương 14,150%, Người nội bộ và người có liên quan nắm giữ 1.371.740 cổ phần, chiếm tỷ lệ 5,139% vốn điều lệ, các cổ đông khác nắm giữ 7.038.527 cổ phần, tương đương 26,370% vốn điều lệ.

- Toàn bộ cổ phần của Công ty là cổ phần phổ thông, kể cả cổ phần do EVN nắm giữ; Công ty không có cổ phần ưu đãi. Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành là 26.691.319 cổ phiếu. Công ty không có cổ phiếu quỹ.

- Số lượng cổ phiếu của Công ty đã được lưu ký tập trung tại VSD; niêm yết trên HoSE từ 14/09/2010; hủy niêm yết bắt buộc trên HoSE từ 13/06/2018 do kiểm toán từ chối đưa ra ý kiến trên BCTC hợp nhất năm 2017. Ngay sau khi hủy niêm yết, TV1 đã đăng ký giao dịch trên Upcom từ 22/06/2018, đến ngày 08/04/2022 Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành thông báo số 1332/TB-SGDHN, nội dung như sau:

+ Cổ phiếu của Công ty được đưa ra khỏi diện bị hạn chế giao dịch và được giao dịch trở lại bình thường. Ngày hiệu lực: 13/04/2022.

+ Lý do: Tổ chức kiểm toán không từ chối đưa ra ý kiến đối với báo cáo tài chính công ty mẹ và hợp nhất năm 2021 của Công ty, Công ty đã khắc phục được nguyên nhân dẫn đến tình trạng chứng khoán bị hạn chế giao dịch.

- Ngày 29/03/2024, Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC phát hành văn bản số 290324.083/BCTC.KT7 và số 290324.084/BCTC.KT7, theo đó AASC đưa ra ý kiến Chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1.

**Tăng vốn điều lệ và trả cổ tức**

Diễn giải	Số lượng cổ phiếu	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	Phát hành thêm	Cộng	Trả cổ tức bằng tiền mặt
Năm 2008	10.000.000			10.000.000	18.000.000.000
Năm 2009		2.000.000	5.400.000	7.400.000	
Năm 2010		2.609.765		2.609.765	
Năm 2011		3.000.771		3.000.771	
Năm 2012					27.612.643.200
Năm 2013		3.680.783		3.680.783	
Năm 2014					40.036.978.500
Năm 2015					28.025.884.950
Năm 2016		0	0	0	0
Năm 2017		0	0	0	0
Năm 2018		0	0	0	0
Năm 2019		0	0	0	0
Năm 2020		0	0	0	0
Năm 2021		0	0	0	0
Năm 2022		0	0	0	0
Tổng cộng	10.000.000	11.291.319	5.400.000	26.691.319	113.675.506.650

**1.3. Ngành nghề kinh doanh**

Khảo sát, thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; lập quy hoạch công trình năng lượng; tư vấn, thiết kế, quản lý dự án, thẩm tra, giám sát thi công xây dựng và lắp

đặt; tổng thầu thiết kế, xây dựng, mua sắm và cung cấp thiết bị; quan trắc, kiểm định chất lượng công trình; lập, thẩm tra, đánh giá, giám sát môi trường đối với: Công trình dân dụng, Công trình công nghiệp, Công trình năng lượng, Công trình hạ tầng kỹ thuật, Công trình giao thông, Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, Công trình xử lý môi trường. Đầu tư, sản xuất, kinh doanh điện năng.

#### 1.4. Công ty con

PECC1 sở hữu 100% vốn điều lệ của 04 công ty TNHH một thành viên (MTV), gồm:

- Công ty TNHH MTV Khảo sát Thiết kế Xây dựng Điện 1 (MTV1), địa điểm kinh doanh tại quận Hà Đông, TP.Hà Nội.
- Công ty TNHH MTV Khảo sát Xây dựng Điện 2 (MTV2), địa điểm kinh doanh tại TP.Pleiku, tỉnh Gia Lai.
- Công ty TNHH MTV Tư vấn Xây dựng Điện 3 Đà Nẵng (MTV3), địa điểm kinh doanh tại quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng.
- Công ty TNHH MTV Khảo sát Thiết kế Xây dựng Điện 4 (MTV4), địa điểm kinh doanh tại quận Thanh Xuân, TP.Hà Nội.

#### 1.5. Năng lực và vị thế của Công ty

Đội ngũ chuyên gia và kỹ sư của Công ty có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm, được thử thách từ thực tế các dự án trong nước, quốc tế và có nhiều thời gian làm việc với chuyên gia kỹ thuật chuyên sâu của các công ty tư vấn nổi tiếng quốc tế.

Công ty luôn đi đầu ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến của thế giới, ứng dụng các phần mềm tính toán hiện đại, đổi mới các thiết bị thí nghiệm vào công tác tư vấn thiết kế các công trình, đặc biệt là công trình ở vùng có động đất mạnh, địa chất phức tạp, hồ chứa có dung tích nước lớn, nhà máy điện ngầm và hồ với công suất lớn. Tiêu biểu là:

- Áp dụng công nghệ đập đá đổ bản mặt bê tông cho dự án thủy điện Tuyên Quang (là công nghệ mới được áp dụng đầu tiên tại Việt Nam), góp phần đưa hạng mục hồ chứa vào vận hành sớm 2 năm và giảm chi phí hàng trăm tỉ đồng.
- Áp dụng công nghệ bê tông đầm lăn (RCC) cho đập thủy điện Sơn La, cho phép đưa tổ máy số 1 vào vận hành sớm 2 năm và hoàn thành công trình sớm 3 năm so với kế hoạch được duyệt... Công nghệ RCC cũng đã được Công ty áp dụng thi công cho các đập thủy điện Pleikrông, Bản Vẽ, Bản Chát, Lai Châu và một số thủy điện khác;
- Tính toán lựa chọn tối ưu các công nghệ lò hơi cho các nhà máy nhiệt điện phù hợp với đặc thù chất lượng than Việt Nam và thế giới, đáp ứng các tiêu chuẩn về môi trường;

- Chủ trì thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học “Lập thiết kế kỹ thuật cho nhà máy nhiệt điện đốt than có công suất tổ máy đến khoảng 600MW” do Bộ Khoa học và Công nghệ giao;
- Tính toán phân tích hệ thống, lựa chọn thiết bị đồng bộ cho thiết kế đường dây, trạm biến áp, nhà máy điện có điện áp đến 500kV, thiết kế trạm GIS điện áp đến 500kV;
- Sử dụng các thiết bị hiện đại có độ chính xác cao trong công tác khảo sát địa hình, địa chất, địa vật lý để phục vụ tính toán động đất và thiết kế công trình;
- Công tác nghiên cứu, thí nghiệm vật liệu bê tông có bước đột phá, đã áp dụng kinh nghiệm và các tiêu chuẩn của các nước tiên tiến trong việc lựa chọn cấp phối liên tục, cho phép khắc phục những khó khăn về kỹ thuật để đổ bê tông khối lớn với tốc độ nhanh, đáp ứng yêu cầu an toàn, kinh tế và giảm thời gian xây dựng.

Các dự án do Công ty thực hiện luôn đáp ứng tiến độ, đảm bảo chất lượng, góp phần kịp thời cung cấp nguồn điện năng phục vụ sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Công ty đã được Nhà nước trao tặng Danh hiệu anh hùng lao động, Huân chương độc lập hạng nhì, nhiều Huân chương lao động và nhiều bằng khen, cờ thi đua của Chính phủ, Bộ Công thương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Ngoài ra, Công ty còn thực hiện đầu tư Nhà máy thủy điện Sông Bung 5 với hình thức Xây dựng-Sở hữu-Kinh doanh. Nhà máy được xây dựng trên Sông Bung thuộc địa phận huyện Nam Giang và Đông Giang tỉnh Quảng Nam với công suất 57MW. Tổ máy số 1 phát điện thương mại từ ngày 28/12/2012; tổ máy số 2 phát điện thương mại từ ngày 19/07/2013.

Cùng với sự phát triển của đất nước, Công ty tiếp tục tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đổi mới trang thiết bị công nghệ, đầu tư nguồn lực để thực hiện các dự án điện nhằm cung cấp dịch vụ kỹ thuật tốt nhất cho khách hàng.

#### 1.6. Các danh hiệu được Nhà nước trao tặng

- 01 Danh hiệu Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới;
- 01 Huân chương Độc lập hạng nhì;
- 32 Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba;
- Nhiều bằng khen của Thủ tướng, Bộ, ngành, và nhiều cờ thi đua xuất sắc của Chính phủ và EVN.

#### 1.7. Các dự án điển hình

- Dự án thủy điện: Thủy điện Sơn La công suất 2400 MW, đập bê tông đầm lăn cao 138m; Bản Vẽ công suất 320MW, đập bê tông đầm lăn cao 137m; Tuyên Quang công suất 342MW, đập đá đổ bản mặt bê tông cao 92m; Lai Châu công suất 1200MW, đập bê tông đầm lăn cao 137m; Luangprabang trên dòng chính sông MeKông (Lào), công suất 1100MW; Hạ Sê San 2 (Campuchia), công suất 400MW;

thủy điện Hòa Bình mở rộng, thủy điện Yali mở rộng, Thủy điện Nam Emoun (Lào), Thủy điện Tanahu công suất 140MW (Nepal)...

- Dự án hồ chứa nước, thủy lợi: hồ chứa nước Đập Hàn, Nước Trong, Đồng Mít, Bản Lải...; dự án thủy lợi Ngòi Giàng, Cánh Tạng...

- Các dự án nhiệt điện khí LNG Quảng Trị, LNG Quảng Ninh...;

- Công ty tham gia công tác thiết kế nghiên cứu khả thi Bổ sung công suất điện Lô 09-1 bằng tuabin gió ngoài khơi của Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro, Quy hoạch điện gió ngoài khơi vịnh bắc bộ cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

- Lập báo cáo nghiên cứu khả thi và hồ sơ địa điểm Dự án Trung tâm nghiên cứu khoa học công nghệ hạt nhân.

- Các dự án năng lượng tái tạo: điện mặt trời Hồng Phong 1A, 1B, Mũi Né, AMI Khánh Hòa, nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt phát điện Sóc Sơn, nhà máy xử lý chất thải công nghiệp và y tế tỉnh Thái Nguyên, các dự án trang trại điện gió, nhà máy điện gió, điện sinh khối...

- Dự án nhiệt điện: Uông Bí MR1, 2 tổng công suất 600MW; Quảng Ninh 1,2 tổng công suất 1200MW; Thái Bình 1 công suất 600MW; Thái Bình 2 công suất 1200MW; Dung Quất công suất 1200 MW; Mông Dương 1 công suất 1080 MW; Mông Dương 2 công suất 1120 MW; Nghi Sơn 1 công suất 600 MW; Nghi Sơn 2 công suất 1200MW; Quỳnh lập 2, TBKHH Dung Quất I, II, III; Nhiệt điện Quảng Trạch I công suất 1200MW...;

- Dự án lưới điện: đường dây và trạm đồng bộ 500kV Bắc Nam mạch 1, 2, 3; đường dây 500kV Sơn La-Lai Châu; đường dây 500/220kV Hiệp Hòa-Đông Anh-Bắc Ninh 2; đường dây 500/220kV Nho Quan-Phủ Lý-Thường Tín; đường dây 500Kv Quảng Trạch-Dốc Sỏi; đường dây 500 kV Hatxan-Pleiku; đường dây 500kV Tuabin khí miền Trung-Krông Buk; đường dây 500kV Monsoon-Thạch Mỹ (đoạn trên lãnh thổ Việt Nam) và dự án mở rộng TBA 500Kv Thạch Mỹ; TBA 500kV Lào Cai, Sân phân phối 500/220kV Nhon Trạch 3,4; dự án nâng cấp hệ thống điều khiển, bảo vệ các TBA 500kV, 220kV khu vực miền Bắc; Đường dây 220kV nhiệt điện Hải Dương-Trạm 500kV Phố Nối; TBA 500 kV Phố Nối; nâng công suất TBA 500 kV Sơn La và nhiều đường dây, trạm 500 kV, 220kV, 110kV...

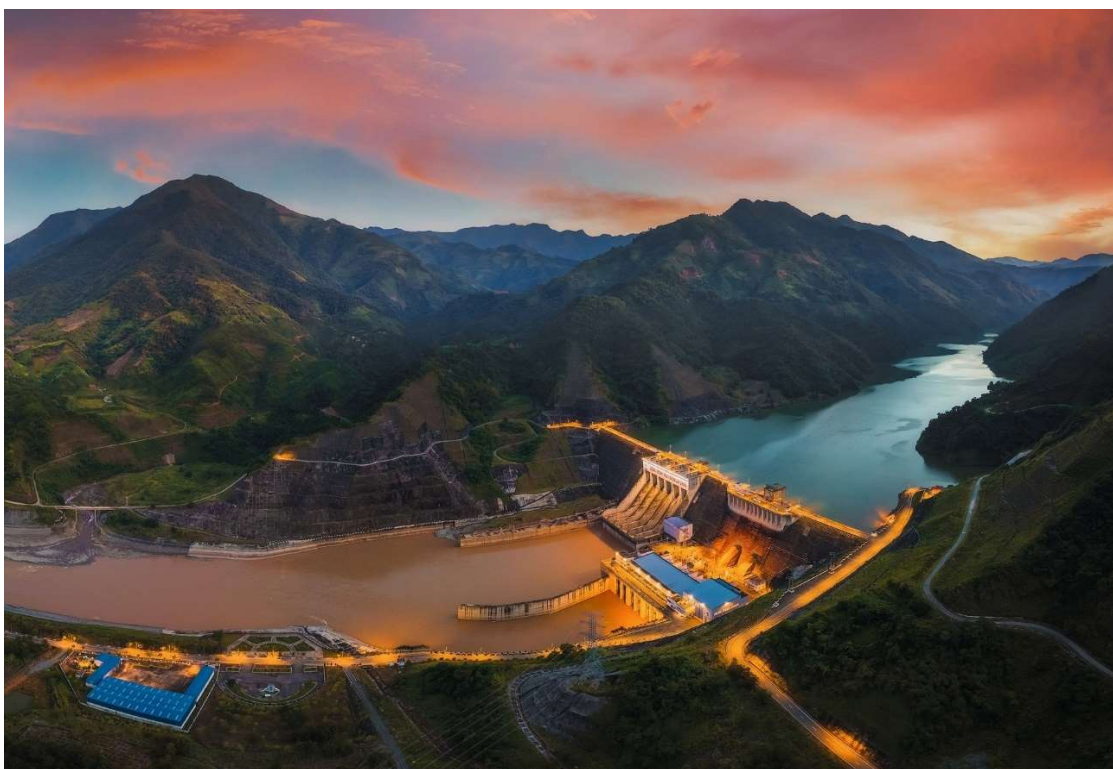


*Ông Nguyễn Hữu Chính - Tổng Giám đốc PECCI (Thứ hai từ phải sang - hàng thứ hai) nhận Bằng khen từ TGD EVN Trần Đình Nhân dành cho Tập thể có thành tích xuất sắc năm 2022.*

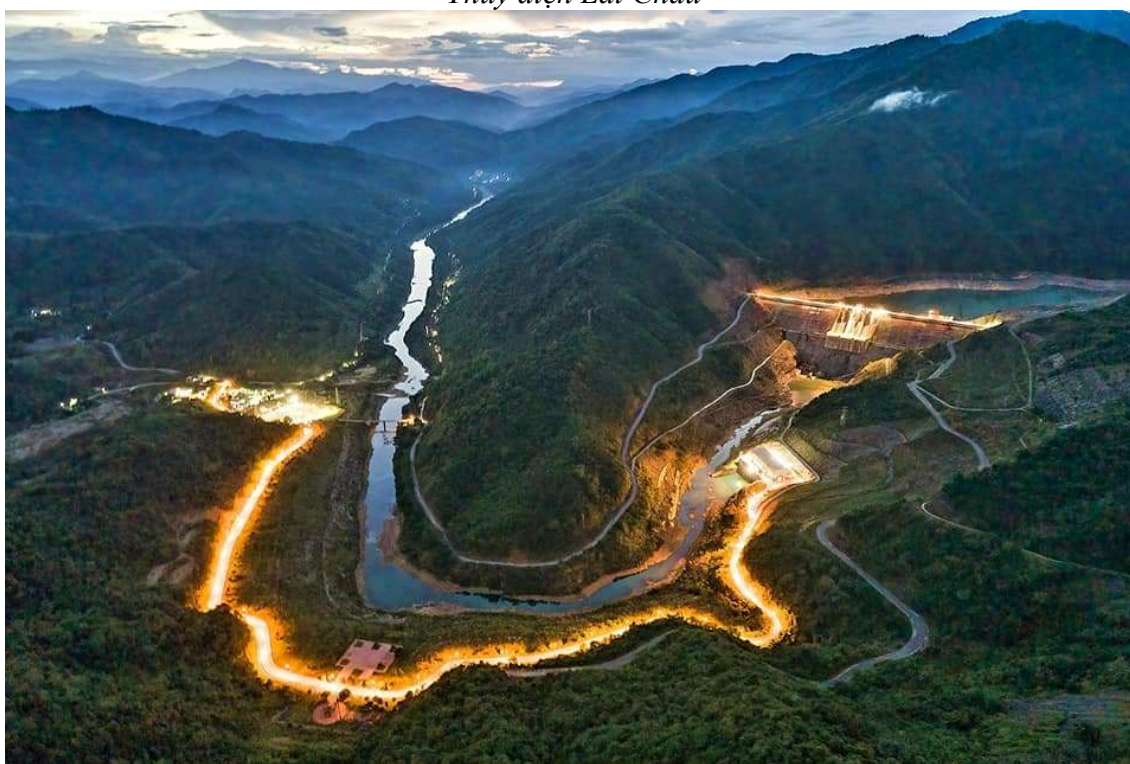


*Thủy điện Sơn La (khánh thành ngày 23/12/2012)*





*Thủy điện Lai Châu*



*Thủy điện Bản Vẽ*



*Nhà máy Điện gió Cà Mau 1A*



*Nhà máy Điện gió Ia Pết Đăk Đoa 1, 2 (khánh thành ngày 14/01/2022)*



*Nhà máy nhiệt điện rác Sóc Sơn*



*Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2*



*Đường dây 500kV Sơn La – Hòa Bình – Nho Quan*



*Đường dây 500kV  
Bắc – Nam (mạch 1)*



*Trạm biến áp 220kV Mường Tè*



*Trạm biến áp 500kV Sơn La*



*Ông Nguyễn Hữu Chinh đang cùng Tổng Giám đốc EVN Nguyễn Anh Tuấn và Đoàn công tác lắng nghe báo cáo về tình hình thực hiện của dự án ĐZ 500kV Monsoon - Thạnh Mỹ (đoạn trên lãnh thổ Việt Nam) và dự án mở rộng TBA 500kV Thạnh Mỹ*

2. Mô hình quản trị và tổ chức

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 tổ chức và hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**NGUYỄN TÀI ANH**

Chủ tịch

(Bổ nhiệm ngày 30/06/2020)



**NGUYỄN HỮU  
CHÍNH**

Thành viên

(Bổ nhiệm ngày  
29/04/2021)



**TRẦN THÁI  
HẢI**

Thành viên

(Bổ nhiệm ngày  
29/06/2018)



**LÊ THÀNH  
CHUNG**

Thành viên

(Bổ nhiệm ngày  
27/06/2023)



**LÊ VĂN LỰC**

Thành viên độc lập

(Bổ nhiệm ngày  
27/06/2023)



**NGUYỄN ĐỨC  
TUẤN**

Thành viên

(Miễn nhiệm ngày  
27/06/2023)



**NGUYỄN ĐỨC  
THÀNH**

Thành viên độc lập

(Miễn nhiệm ngày  
27/06/2023)

**BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN HỮU CHÍNH**

Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 29/04/2021)



**TRẦN THÁI  
HẢI**

Phó Tổng Giám  
đốc  
(Bổ nhiệm ngày  
18/09/2021)



**NGUYỄN KIM  
CƯƠNG**

Phó Tổng Giám  
đốc  
(Bổ nhiệm ngày  
18/09/2021)



**ĐỖ VIỆT  
KHOA**

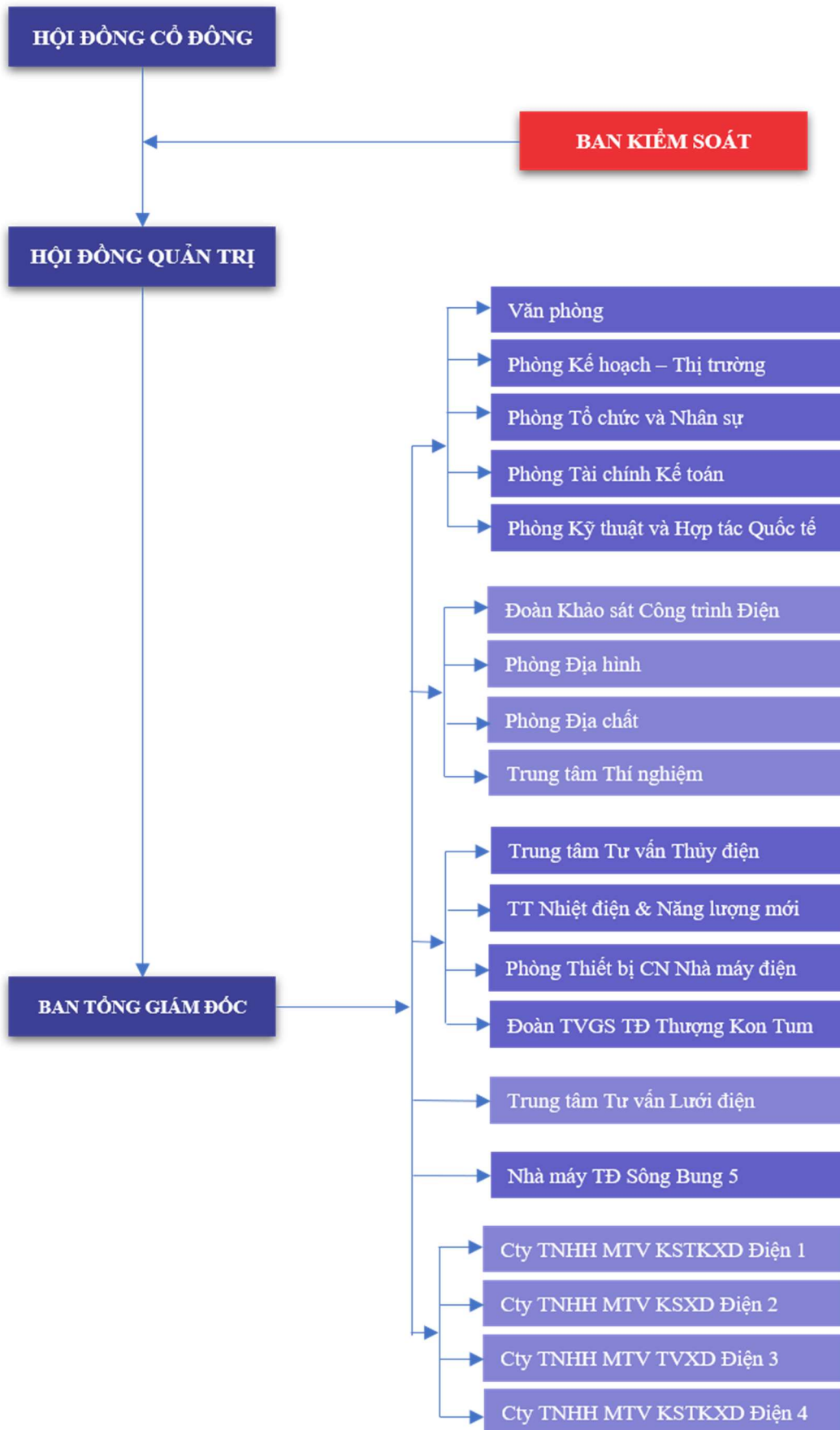
Phó Tổng Giám  
đốc  
(Bổ nhiệm ngày  
11/10/2022)



**ĐẶNG HOÀNG CẦM**

Phó Tổng Giám đốc  
(Miễn nhiệm ngày 01/08/2023)





### 3. Định hướng phát triển

#### 3.1. Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi của công ty

##### **Tầm nhìn**

Nỗ lực đổi mới vươn lên trở thành công ty tư vấn chuyên nghiệp, uy tín trong lĩnh vực năng lượng, xây dựng công nghiệp, hạ tầng tại Việt Nam và khu vực.

##### **Sứ mệnh của PECC1**

- Với khách hàng: PECC1 cam kết đem đến các giải pháp hiệu quả cho khách hàng bằng đội ngũ tư vấn năng lực và sáng tạo, đóng góp vào sự phát triển bền vững của ngành năng lượng và đất nước.

- Với người lao động: PECC1 cam kết cung cấp các chế độ đãi ngộ tương xứng với năng lực và đóng góp, tạo các cơ hội phát triển công bằng cho cán bộ nhân viên.

- Với cổ đông: PECC1 cam kết gia tăng giá trị đầu tư cho các cổ đông bằng chiến lược phát triển bền vững.

##### **Giá trị cốt lõi của PECC1**

- Tiên phong: tiên phong trong đổi mới và ứng dụng kỹ thuật công nghệ để tạo ra năng lực cạnh tranh vượt trội.

- Sáng tạo: chủ động tư duy khác biệt nhằm tạo ra giải pháp tối ưu cho các vấn đề của khách hàng và Công ty.

- Tín nhiệm: lòng tin của khách hàng làm nên sức mạnh thương hiệu, trung thực và đoàn kết nội bộ tạo nên thành công.

- Trách nhiệm: là nền tảng xây dựng mối quan hệ giữa các thành viên trong PECC1 và đối với khách hàng.

- Hiệu quả: định hướng hiệu quả là thước đo cuối cùng của giá trị công việc nhằm gia tăng lợi ích tối đa cho khách hàng, người lao động và cổ đông của Công ty.

#### 3.2. Định hướng phát triển

- Nâng cao năng lực quản trị để Công ty phát triển bền vững và trở thành công ty tư vấn hàng đầu trong nước và khu vực năm 2025.

- Các lĩnh vực tập trung phát triển

+ Lĩnh vực kinh doanh chính: Tư vấn xây dựng điện, bao gồm công tác khảo sát, thiết kế, giám sát và tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình thủy điện, nhiệt điện, lưới điện và năng lượng tái tạo.

+ Lĩnh vực kinh doanh có liên quan: quản lý dự án, dịch vụ quản lý vận hành các dự án điện, tham gia EPC các dự án nguồn và lưới điện, tư vấn công trình thủy lợi; tư vấn thiết kế chế tạo các thiết bị điện.

+ Lĩnh vực nghiên cứu, phát triển: Thị trường năng lượng sơ cấp, tối ưu các dạng năng lượng sơ cấp; thị trường bán buôn và bán lẻ điện cạnh tranh; thủy điện cột nước

tháp; điện thủy triều; an toàn đập; ứng dụng KHCN trong điều hành bậc thang thủy điện; xây dựng đập điều hoà tăng hiệu quả sử dụng nước phục vụ nông nghiệp; xây dựng bản đồ ngập lụt hạ du trong tình huống xả lũ khẩn cấp và vỡ đập các công trình thủy điện; điện sinh khối, địa nhiệt; xây dựng quy trình chuẩn về sửa chữa, bảo dưỡng các nhà máy thủy điện, nhiệt điện theo điều kiện và độ tin cậy của thiết bị; chiến lược phát triển hệ thống điện; ổn định hệ thống; công nghệ nối lưới và ổn định hệ thống khi tích hợp các nguồn năng lượng tái tạo vào hệ thống điện quốc gia; vận hành ổn định các nguồn năng lượng mới và tái tạo; các giải pháp đảm bảo an toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động cho các công trình nguồn và lưới điện; kết nối lưới điện khu vực; trạm số; lưới điện thông minh, trạm biến áp ngầm trong khu đô thị; nâng công suất trạm biến áp trong thành phố lớn.

### 3.3. Các mục tiêu tổng quát

- Mục tiêu tài chính: Duy trì ổn định doanh thu mảng tư vấn; mở rộng phát triển doanh thu từ lĩnh vực quản lý vận hành lưới điện và nhà máy, hợp đồng EPC lưới điện tạo đà tăng trưởng trong những năm tiếp theo.
- Mục tiêu khách hàng: Gia tăng giá trị cung cấp cho khách hàng về chất lượng, tiến độ và hiệu quả đầu tư.
- Mục tiêu phát triển năng lực
  - + Phát triển năng lực tư vấn và năng lực quản lý dự án tư vấn;
  - + Phát triển năng lực tiếp thị đầu thầu;
  - + Xây dựng hệ thống quản lý chuyên nghiệp;
  - + Phát triển nguồn nhân lực chiến lược.

## 4. Các rủi ro

### 4.1. Rủi ro về tài chính

- Lĩnh vực tư vấn khảo sát, thiết kế là giai đoạn đầu của công tác đầu tư xây dựng phát triển các dự án nguồn và lưới điện, Công ty chịu rủi ro về chiếm dụng vốn do các chủ đầu tư thanh toán chậm vì nhiều lý do, trong đó lý do lớn nhất là chủ đầu tư chưa và/hoặc không sắp xếp đủ vốn cho dự án, đặc biệt là các chủ đầu tư tư nhân;
- Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính do Thông tư 200 cũng như các quy định hiện hành chưa hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

### 4.2. Rủi ro về luật pháp

Hiện tại hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán (dưới góc độ là công ty đại chúng quy mô lớn) và các quy định pháp luật khác. Trong quá trình hội nhập ngày càng sâu rộng với nền kinh tế thế giới, Việt Nam sẽ phải cải tổ từng bước hành lang pháp lý cho phù hợp với thông lệ quốc tế. Do vậy những biến động trong quá trình chỉnh sửa các văn bản pháp luật có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

4.3. Rủi ro khác

- Công ty phải đối mặt với cạnh tranh lớn về giá trên thị trường khi có sự tham gia của nhiều doanh nghiệp tư vấn nhỏ cùng hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tư vấn điện. Đặc biệt hiện nay, Công ty đang đẩy mạnh cung cấp dịch vụ đến các thị trường tư vấn điện trong khu vực cũng như quốc tế, mức độ cạnh tranh càng cao do có nhiều đơn vị tư vấn nước ngoài tham gia.

- Đối với các công ty hoạt động tư vấn nói chung và tư vấn điện nói riêng, rủi ro về nguồn nhân lực, rủi ro về chảy máu chất xám là một trong những rủi ro rất lớn hiện nay.

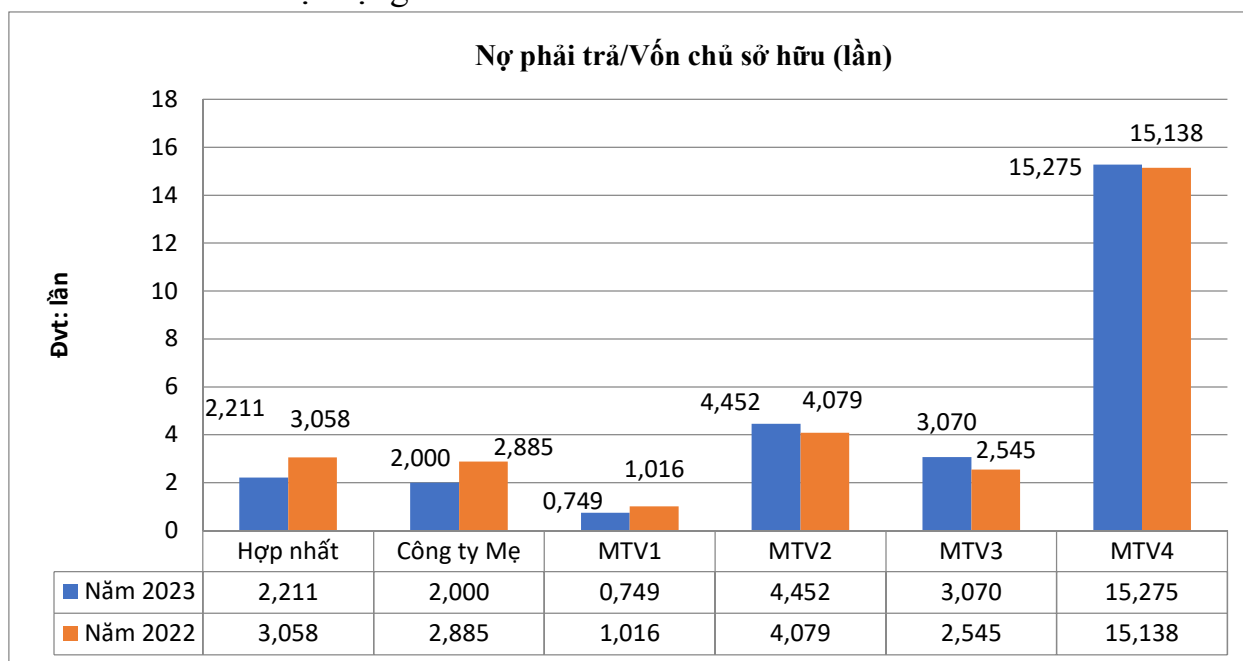
**II. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023**

Ngày 27/06/2023, Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. Đại hội bế mạc vào hồi 15h30' cùng ngày.

Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
01/NQ-TVĐ1-ĐHĐCĐ	27/06/2023	Đại hội đã thông qua:
		1. Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2022 và kế hoạch năm 2023.
		2. Tờ trình về Kế hoạch SXKD năm 2023: - Tổng doanh thu: 537,0 tỷ đồng. - Lợi nhuận trước thuế: 83,8 tỷ đồng. - Lợi nhuận sau thuế: 67,3 tỷ đồng.
		3. Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và nhiệm vụ kế hoạch năm 2023.
		4. Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán. Chủ trương, phương án, giá trị xử lý chi phí SXKD dở dang tồn đọng và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã thực hiện năm 2021, 2022.
		5. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kiểm soát năm 2022 và kế hoạch thực hiện năm 2023.
		6. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023. - Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 + Không trích Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ thưởng người quản lý, KSV. + Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi: 01 (một) tỷ đồng. + Không chia cổ tức năm 2022. - Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023 + Về trích lập các quỹ (Quỹ ĐTPT, Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thưởng người quản lý, KSV): HĐQT sẽ trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 xem xét quyết định trên cơ sở phù hợp với quy định hiện hành. + Về cổ tức: chia cổ tức tối thiểu 5%.
7. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT các nội dung sau: - Quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2023. - Quyết định phương án, giá trị chi phí SXKD dở dang tồn đọng cần phải xử lý trong thời gian tới đảm bảo tính pháp lý của BCTC. Thực hiện xử lý chi phí SXKD dở dang tồn đọng đúng quy định của pháp luật, báo cáo ĐHĐCĐ kết quả thực hiện tại cuộc họp tới.		

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2023 trong trường hợp các chỉ tiêu SXKD đạt mức cao hơn.</li> <li>- Quyết định điều chỉnh mức tiền lương, thù lao kế hoạch của HĐQT, BKS năm 2023 trong trường hợp mức tiền lương kế hoạch của người lao động năm 2023 thấp hơn thực hiện năm 2022.</li> </ul>
	8. Phương án chi trả tiền lương, thù lao cho HĐQT, BKS thực hiện năm 2022 và kế hoạch năm 2023.
	9. Kết quả bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2023-2028 <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành viên HĐQT</li> <li>+ Ông Lê Thành Chung.</li> <li>+ Ông Trần Thái Hải.</li> <li>+ Ông Lê Văn Lực-Thành viên độc lập HĐQT.</li> <li>- Kiểm soát viên</li> <li>+ Ông Nguyễn Hồng Quang-Trưởng ban</li> <li>+ Bà Nguyễn Hoàng Diệp-Kiểm soát viên</li> <li>+ Bà Cao Thúy Nga-Kiểm soát viên</li> </ul>

## 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh



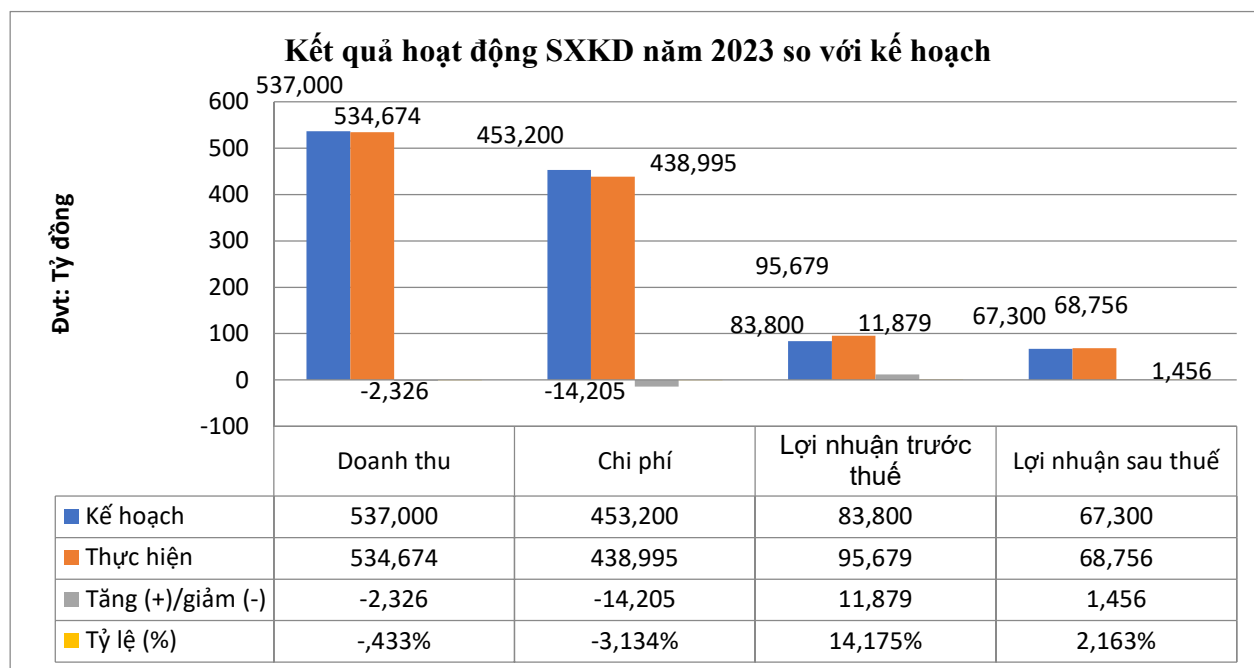
**Bảng 1. Kết quả hoạt động SXKD năm 2023 so với kế hoạch năm 2023**

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

TT	Chi tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Tăng/giảm	Tỷ lệ (%)
I	Tổng doanh thu	537,000	534,674	-2,326	99,567%
1	Doanh thu hoạt động SXKD chính		533,270		
	- Doanh thu Khảo sát, thiết kế, xây lắp		318,677		
	- Doanh thu bán điện Sông Bung 5		214,594		
2	Doanh thu hoạt động tài chính		1,404		
II	Tổng chi phí	453,200	438,995	-14,205	96,866%
III	Tổng lợi nhuận trước thuế	83,800	95,679	11,879	114,175%

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1

IV	Thuế TNDN		26,923		
V	Lợi nhuận sau thuế	67,300	68,756	1,456	102,163%



Bảng 2. Chi tiết kết quả hoạt động SXKD năm 2023

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Chi tiêu	Hợp nhất	Công ty Mẹ	MTV1	MTV2	MTV3	MTV4
1	Tổng doanh thu	534,674	509,469	8,345	19,878		5,325
2	Tổng chi phí	438,995	401,793	7,865	19,510	0,240	5,239
	- Giá vốn hàng bán	357,742	328,190	6,087	17,510		4,232
	- Chi phí tài chính	38,035	45,585		0,666		0,041
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>37,774</i>	<i>37,066</i>		<i>0,666</i>		<i>0,041</i>
	- Chi phí bán hàng	0,513	0,513				
	- Chi phí quản lý doanh nghiệp	41,580	26,570	1,732	1,304	0,240	0,852
	- Chi phí khác	1,125	0,935	0,046	0,030		0,114
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	95,679	107,676	0,481	0,368	-0,240	0,086
4	Chi phí thuế TNDN hiện hành	26,923	26,698	0,105	0,080		0,040
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	68,756	80,977	0,376	0,288	-0,240	0,046

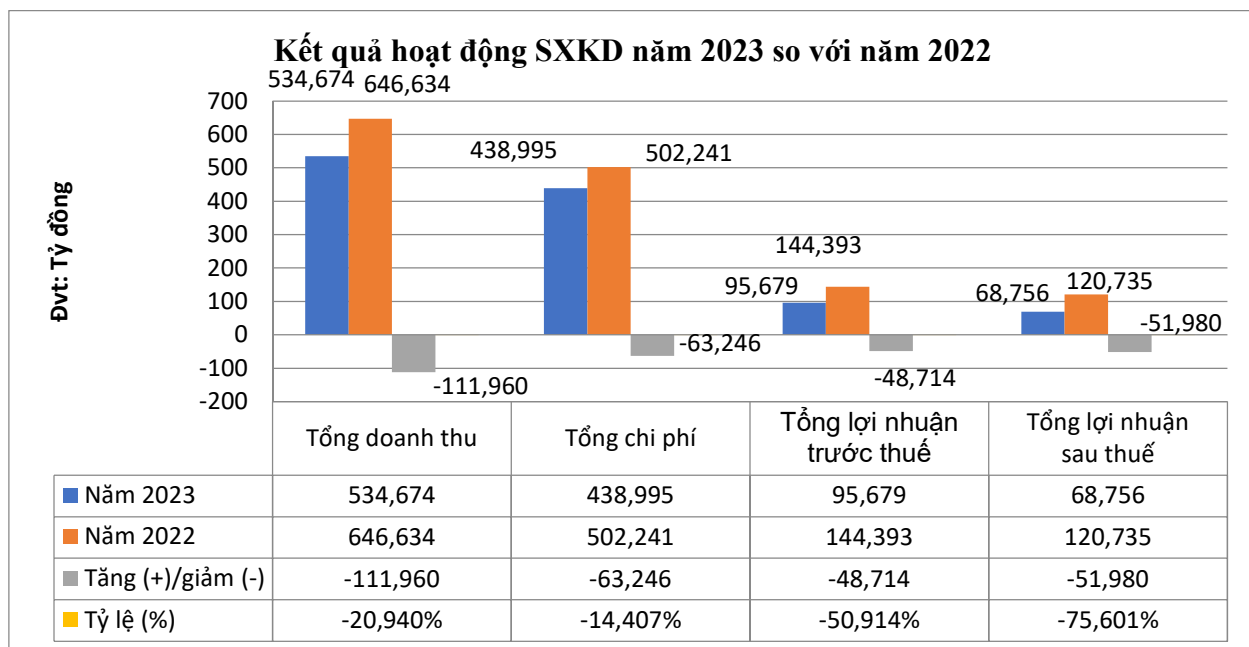
Bảng 3. Kết quả hoạt động SXKD năm 2023 so với năm 2022

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Chi tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Tăng/giảm	Tỷ lệ (%)
I	Tổng doanh thu	646,634	534,674	-111,960	82,686%
1	Doanh thu hoạt động SXKD chính	644,350	533,270	-111,080	82,761%
	- Doanh thu Khảo sát, thiết kế, xây lắp	371,996	318,677	-53,320	85,667%
	- Doanh thu bán điện Sông Bung 5	272,354	214,594	-57,760	78,792%

*Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1*

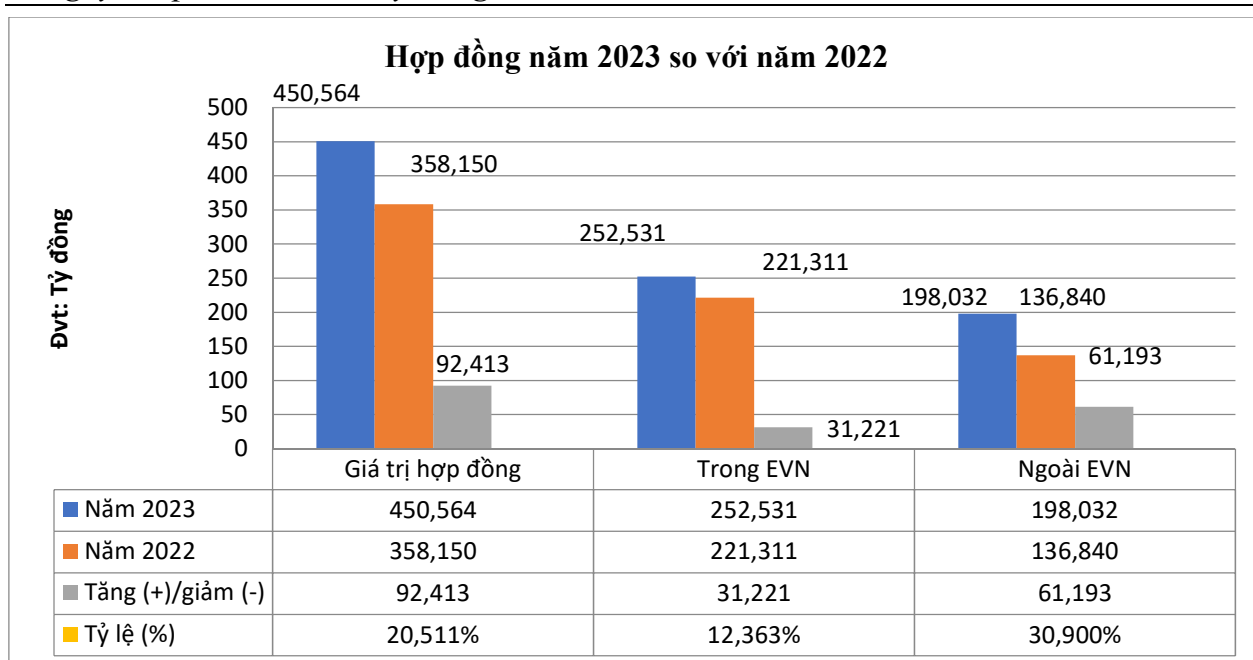
2	Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác	2,284	1,404	-0,880	61,457%
II	Tổng chi phí	502,241	438,995	-63,246	87,407%
III	Tổng lợi nhuận trước thuế	144,393	95,679	-48,714	66,263%
IV	Thuế TNDN	23,658	26,923	3,266	113,803%
V	Lợi nhuận sau thuế	120,735	68,756	-51,980	56,947%



*Bảng 4. Hợp đồng*

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

Hợp đồng	Năm 2022	Năm 2023	Tăng(+)/giảm (-)	Tỷ lệ (%)
1. Theo loại công việc	358,150	450,564	92,413	125,803%
- Khảo sát	89,762	146,803	57,041	163,547%
- Tư vấn thiết kế	260,126	277,933	17,807	106,845%
- Khác	8,263	25,828	17,565	312,591%
2. Theo lĩnh vực	358,150	450,564	92,413	125,803%
- Thủy điện-thủy lợi	123,150	84,651	-38,499	68,738%
- Nhiệt điện	61,123	123,740	62,618	202,446%
- Lưới điện	166,249	218,272	52,023	131,293%
- Năng lượng mới (gió, mặt trời...)	7,629	23,900	16,271	313,270%
3. Theo khách hàng	358,150	450,564	92,413	125,803%
- Trong EVN	221,311	252,531	31,221	114,107%
- Ngoài EVN	136,840	198,032	61,193	144,719%



## 2. Lao động, thu nhập, tiền lương

### 2.1. Số lượng lao động

Bảng 5. Số lượng lao động

Đơn vị tính: Người

Chi tiêu	Đơn vị										Tổng cộng	
	MẸ		MTV1		MTV2		MTV3		MTV4			
	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm
Số lượng lao động	542	518	32	27	52	42	10	4	14	17	650	608
- Lao động đóng BHXH	532	498	32	27	47	33	10	4	13	16	634	578
- Lao động không đóng BHXH	10	20			5	9			1	1	16	30

### 2.2. Thu nhập, tiền lương

Bảng 6. Thu nhập và tiền lương

Chi tiêu	Toàn công ty		Công ty mẹ	
	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023
1. Tổng thu nhập (tỷ đồng/năm)	137,324	137,217	125,272	125,866
Trong đó: Tiền lương & các khoản có tính chất lương	137,154	137,076	125,272	125,866
2. Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	17,118	18,296	18,844	19,865
3. Tiền lương bình quân (triệu đồng/người/tháng)	17,097	18,277	18,844	19,865
4. BHXH - BHYT - BHTN - KPCĐ (tỷ đồng)	12,566	13,168	10,765	11,174



*Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện I*

Chi tiêu	MTV1		MTV2		MTV3		MTV4	
	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023
1. Tổng thu nhập (tỷ đồng/năm)	4,841	2,545	5,695	6,816		0,188	1,515	1,801
<i>Trong đó: Tiền lương &amp; các khoản có tính chất lương</i>	<i>4,841</i>	<i>2,545</i>	<i>5,695</i>	<i>6,816</i>		<i>0,188</i>	<i>1,345</i>	<i>1,660</i>
2. Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	11,053	7,190	9,217	12,623		2,610	7,892	9,380
3. Tiền lương bình quân (triệu đồng/người/tháng)	11,053	7,190	9,217	12,623		2,610	7,005	8,648
4. BHXH - BHYT - BHTN - KPCĐ (tỷ đồng)	0,785	0,986	0,727	0,559		0,134	0,290	0,314

3. Tình hình đầu tư

3.1. Đầu tư dự án, đầu tư tài chính: Năm 2023, Công ty không thực hiện đầu tư dự án, đầu tư tài chính.

3.2. Kết quả đầu tư tại các công ty con

*Bảng 7. Kết quả đầu tư tài chính dài hạn*

Công ty	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2023 (tỷ đồng)	VCSH-VĐL (tỷ đồng)	VCSH/VĐL (%)	Lợi nhuận sau thuế 2023	
					Giá trị (tỷ đồng)	Tỷ lệ/vốn điều lệ (%)
1. MTV1	17,102	18,530	1,428	108,347%	0,376	2,196%
2. MTV2	4,870	5,651	0,781	116,035%	0,288	5,915%
3. MTV3	6,517	3,668	-2,849	56,281%	-0,240	-3,685%
4. MTV4	6,060	2,684	-3,376	44,295%	0,046	0,757%
Cộng	34,549	30,533	-4,016	88,375%	0,469	5,183%

*Bảng 8. Các khoản dự phòng*

*Đơn vị tính: Đồng*

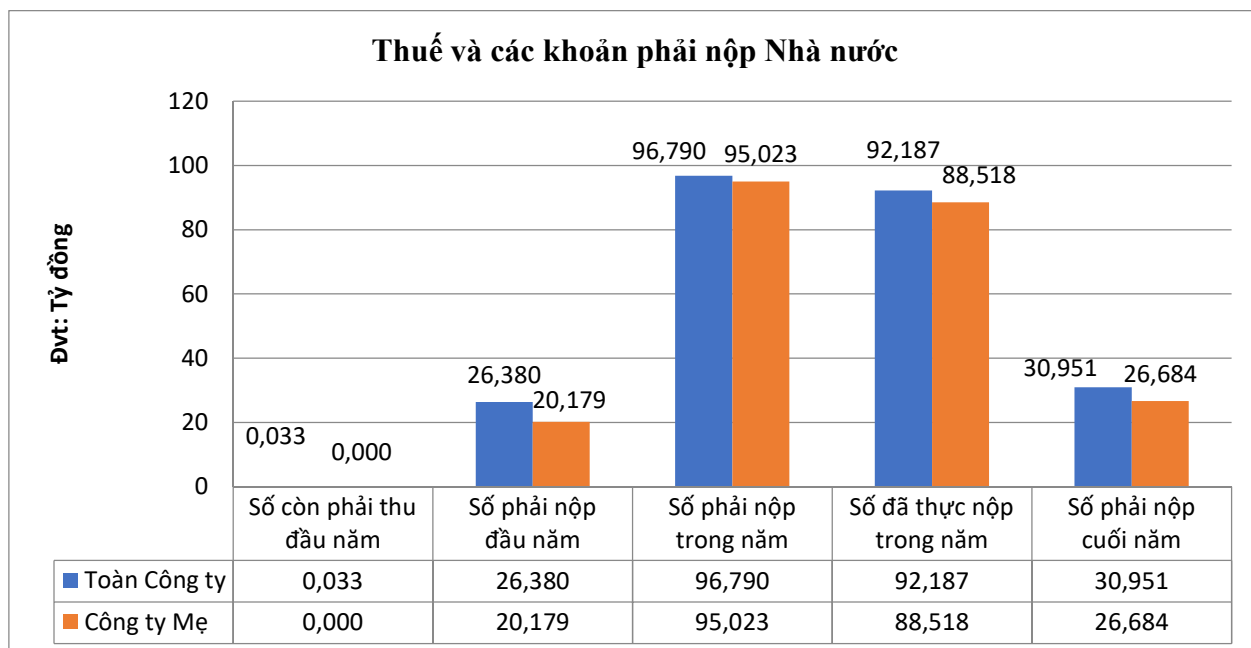
Công ty	Số đầu năm 2023	Phát sinh tăng (+)/Giảm (-)	Số cuối năm 2023
1. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi			
- Công ty Mẹ	62.691.134.737	-2.286.727.701	60.404.407.036
- Hợp nhất	65.261.061.905	8.560.564.373	73.821.626.278
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho			
- Công ty Mẹ	14.538.122.680	20.455.451.344	34.993.574.024
- Hợp nhất	14.538.122.680	29.857.329.310	44.395.451.990

4. Tình hình tài chính

Bảng 9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Diễn giải	Hợp nhất					Công ty Mẹ			
	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp cuối năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp cuối năm
1. Thuế giá trị gia tăng		4,485	37,734	32,649	9,569	3,000	36,638	31,316	8,321
2. Thuế TNDN		14,679	26,923	32,363	9,238	12,963	26,698	30,557	9,104
3. Thuế thu nhập cá nhân	0,033	1,208	0,551	1,064	0,662	0,513	0,420	0,774	0,159
4. Thuế tài nguyên		2,306	19,893	16,050	6,148	2,306	19,893	16,050	6,148
5. Thuế nhà đất và thuê đất		0,055	1,222	1,243	0,034	0,000	1,025	1,025	
6. Các loại thuế khác		0,508	0,438	0,946		0,508	0,438	0,946	
7. Các khoản phí, lệ phí		3,140	10,029	7,871	5,298	0,890	9,912	7,850	2,952
Tổng cộng	0,033	26,380	96,790	92,187	30,951	20,179	95,023	88,518	26,684



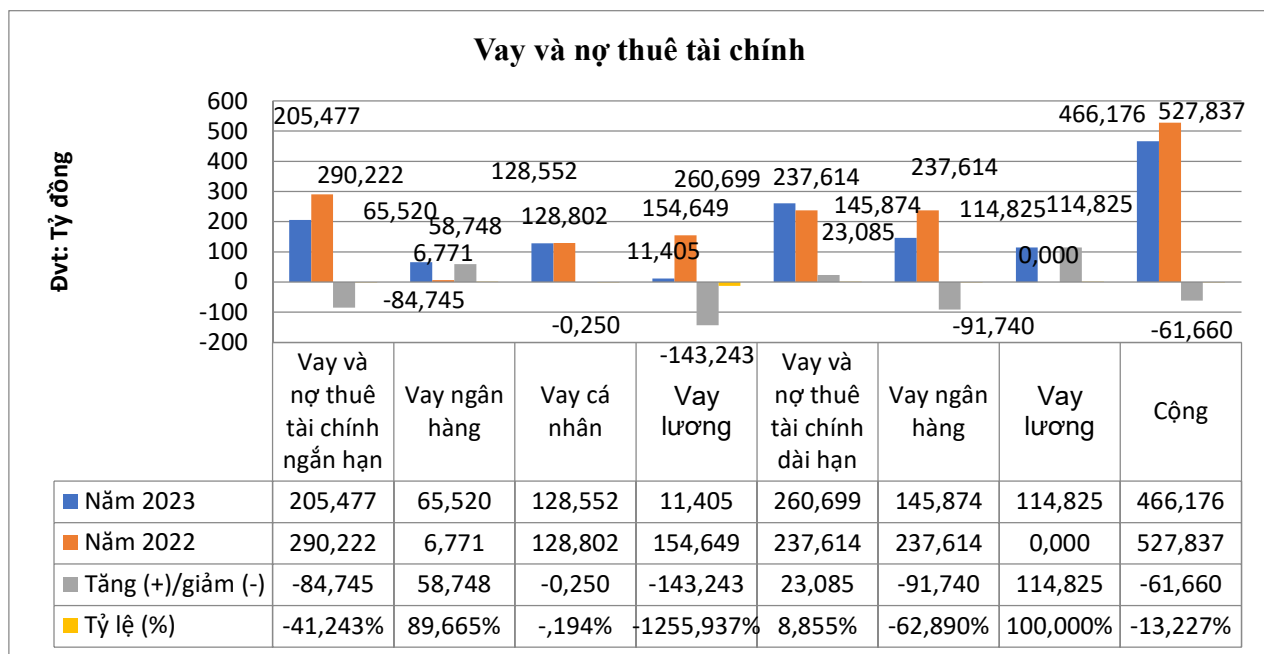
Bảng 10. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chi tiêu	Hợp nhất		Công ty Mẹ	
	Tại ngày 01/01/2023	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023	Tại ngày 31/12/2023
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	290,222	205,477	274,326	186,055
- Vay ngân hàng	6,771	65,520	5,780	62,595
- Vay cá nhân	128,802	128,552	123,460	123,460

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện I

- Vay lương	154,649	11,405	145,086	
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	237,614	260,699	237,614	260,699
- Vay ngân hàng	237,614	145,874	237,614	145,874
- Vay lương		114,825		114,825
Tổng cộng	527,837	466,176	511,941	446,754



Chỉ tiêu	MTV1		MTV2		MTV3		MTV4	
	Tại ngày 01/01	Tại ngày 31/12	Tại ngày 01/01	Tại ngày 31/12	Tại ngày 01/01	Tại ngày 31/12	Tại ngày 01/01	Tại ngày 31/12
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	5,978	5,182	5,961	9,818	1,438	0,969	2,520	3,453
- Vay ngân hàng			0,991	2,500				0,425
- Vay cá nhân	0,373	0,373	4,969	4,719				
- Vay lương	5,605	4,810		2,599	1,438	0,969	2,520	3,029

Bảng 11. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Hợp nhất		Công ty Mẹ	
	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	1,019	0,839	1,008	0,781
+ Hệ số thanh toán nhanh (lần)	0,826	0,607	0,848	0,583
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản (lần)	0,688	0,752	0,667	0,741
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	2,211	3,058	2,000	2,885
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
+ Vòng quay hàng tồn kho (lần)	2,786	2,181	3,336	2,568

*Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1*

+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản (lần)	0,460	0,540	0,455	0,548
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>				
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	12,893%	18,738%	15,957%	19,663%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	19,029%	41,128%	21,808%	41,912%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	5,926%	10,119%	7,268%	10,770%
+ Hệ số lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (%)	18,122%	23,750%	21,380%	24,093%
<i>5. Hệ số tự tài trợ (%)</i>	8,213%	12,235%	9,653%	12,560%

Chi tiêu	MTV1		MTV2		MTV3		MTV4	
	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>								
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	2,213	1,888	1,191	1,200	1,202	1,235	1,064	1,062
+ Hệ số thanh toán nhanh (lần)	1,895	1,637	0,861	0,931	0,394	0,326	0,719	0,723
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>								
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản (lần)	0,428	0,504	0,817	0,803	0,754	0,718	0,939	0,938
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)	0,749	1,016	4,452	4,079	3,070	2,545	15,275	15,138
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>								
+ Vòng quay hàng tồn kho (lần)	1,330	1,715	2,412	1,848			0,306	0,388
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản (lần)	0,256	0,315	0,645	0,447			0,122	0,142
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>								
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	4,528%	3,415%	1,449%	0,999%			0,861%	-79,3%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	2,027%	2,166%	5,098%	2,270%	-6,5%	-6,2%	1,708%	-181%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	1,158%	1,074%	0,935%	0,447%	-1,6%	-1,7%	0,105%	-11,2%
+ Hệ số lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (%)	5,759%	2,883%	2,001%	1,189%			3,759%	0,495%
<i>5. Hệ số tự tài trợ (%)</i>	1,369%	0,858%	1,336%	0,427%	-1,6%	-1,6%	0,464%	0,066%

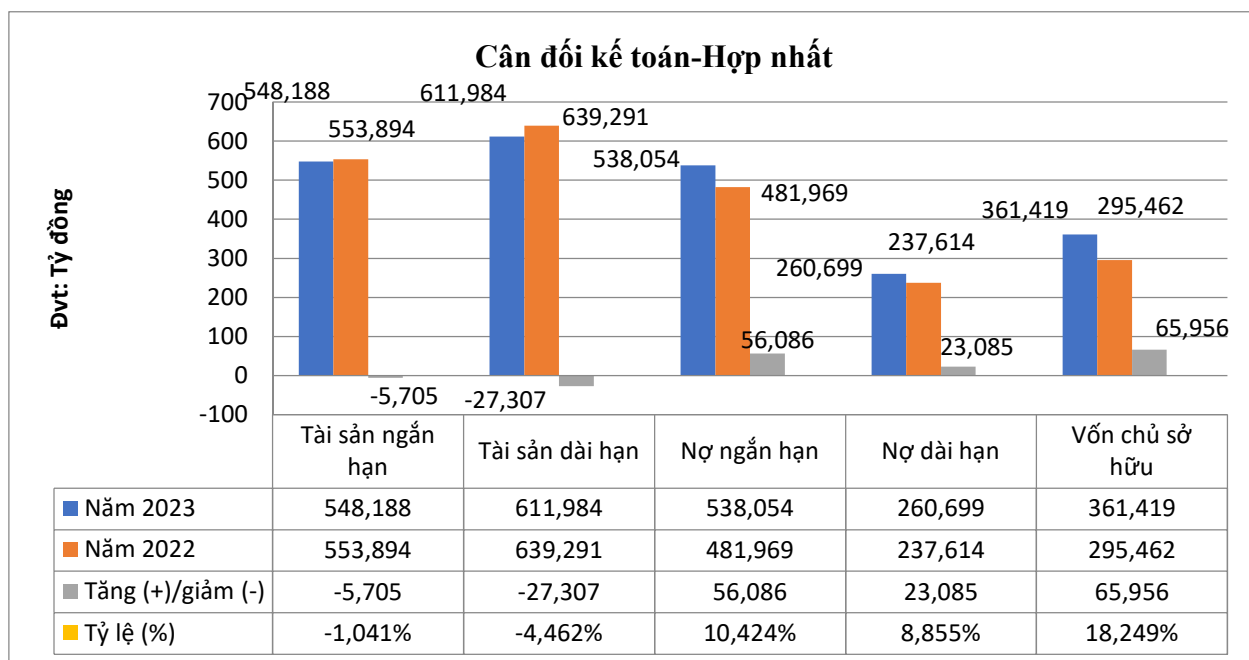
Bảng 12. Bảng cân đối kế toán

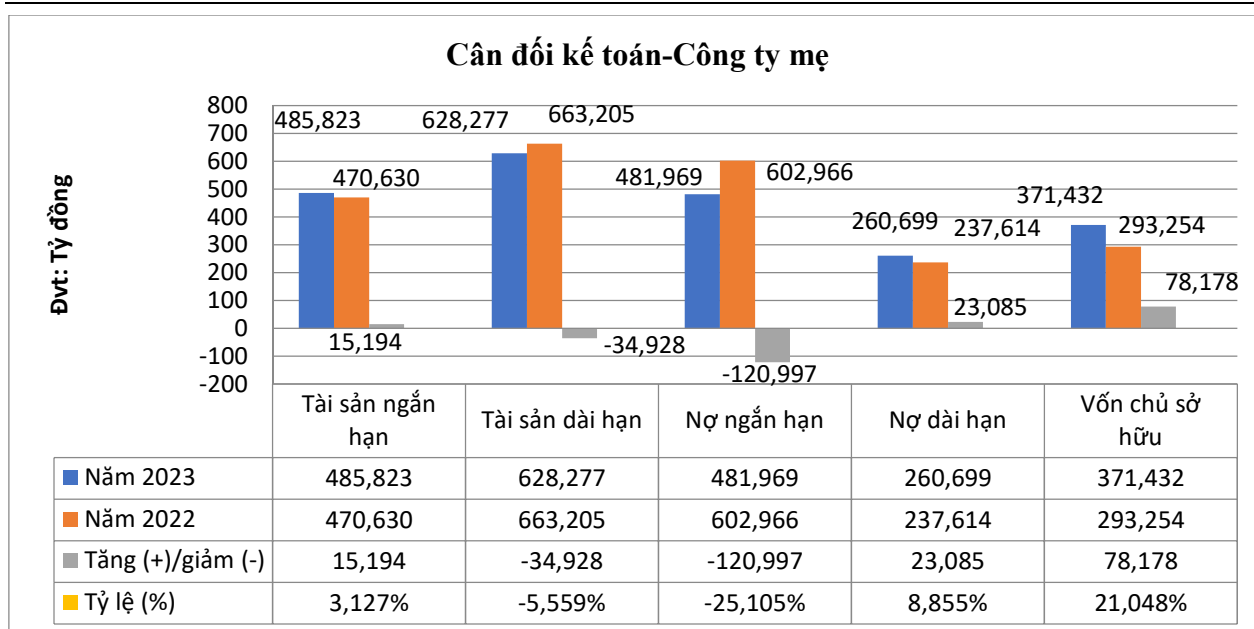
Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chi tiêu	Hợp nhất		Công ty Mẹ	
	Số cuối năm 2023	Số đầu năm 2023	Số cuối năm 2023	Số đầu năm 2023
A- Tài sản ngắn hạn	548,188	553,894	485,823	470,630
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	23,817	46,057	18,889	40,690
1. Tiền	23,817	46,057	18,889	40,690
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	419,510	353,968	388,671	309,631
1. Phải thu khách hàng	442,277	383,782	396,907	334,539
2. Trả trước cho người bán	14,739	15,436	28,175	26,310
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		2,200		
4. Các khoản phải thu khác	36,316	17,811	23,994	11,473
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(73,822)	(65,261)	(60,404)	(62,691)
IV- Hàng tồn kho	103,938	152,892	77,347	119,399
1. Hàng tồn kho	148,333	167,430	112,340	133,937
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(44,395)	(14,538)	(34,994)	(14,538)
V- Tài sản ngắn hạn khác	0,923	0,977	0,916	0,910
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	0,916	0,941	0,916	0,910
2. Thuế GTGT được khấu trừ	0,007	0,003		
3. Thuế và các khoản khác phải thu		0,033		
B- Tài sản dài hạn	611,984	639,291	628,277	663,205
II. Tài sản cố định	597,863	634,672	594,030	630,292
1. Tài sản cố định hữu hình	596,079	634,013	592,618	630,005
- Nguyên giá	1.171,947	1.174,450	1.131,025	1.132,944
- Giá trị hao mòn lũy kế	(575,868)	(540,438)	(538,406)	(502,939)
2. Tài sản cố định vô hình	1,784	0,660	1,412	0,288
- Nguyên giá	21,007	19,392	19,564	17,949
- Giá trị hao mòn lũy kế	(19,223)	(18,732)	(18,152)	(17,661)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	0,329	0,484	0,329	0,419
1. Chi phí XDCCB doanh dở dang	0,329	0,484	0,329	0,419
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			20,262	28,518
1. Đầu tư vào công ty con			34,549	34,549
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(14,287)		(14,287)	(6,031)
V. Tài sản dài hạn khác	13,792	4,136	13,656	3,975
1. Chi phí trả trước dài hạn	3,596	4,136	3,459	3,975
2. Thiết bị vật tư phụ tùng thay thế	10,197		10,197	
Tài sản	1.160,172	1.193,185	1.114,100	1.133,834
A- Nợ phải trả	798,754	897,723	742,668	840,581
I- Nợ ngắn hạn	538,054	660,108	481,969	602,966
1. Phải trả người bán	62,456	73,667	75,509	89,392

*Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1*

2. Người mua trả tiền trước	77,861	93,183	67,426	85,290
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	30,951	26,380	26,684	20,179
4. Phải trả người lao động	50,088	38,862	45,076	29,930
5. Chi phí phải trả	19,106	16,573	18,870	14,348
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	89,028	118,509	61,839	89,383
7. Vay và nợ ngắn hạn	205,477	290,222	186,055	274,326
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3,087	2,711	0,509	0,118
II- Nợ dài hạn	260,699	237,614	260,699	237,614
1. Vay và thuê tài chính dài hạn khác	260,699	237,614	260,699	237,614
B- Vốn chủ sở hữu	361,419	295,462	371,432	293,254
I- Vốn chủ sở hữu	361,313	293,558	371,327	291,349
1. Vốn góp của chủ sở hữu	266,913	266,913	266,913	266,913
2. Quỹ đầu tư phát triển	22,980	22,980	17,699	17,699
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	0,500	0,500	0,500	0,500
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	70,920	3,165	86,215	6,237
+ LNST chưa phân phối lũy kế đến nay	2,165	(87,118)	5,237	(85,365)
+ LNST chưa phân phối kỳ này	68,756	90,283	80,977	91,602
II- Nguồn kinh phí	0,105	1,905	0,105	1,905
1. Nguồn kinh phí	0,105	1,905	0,105	1,905
Nguồn vốn	1.160,172	1.193,185	1.114,100	1.133,834





Chi tiêu	MTV1		MTV2	
	Số cuối năm 2023	Số đầu năm 2023	Số cuối năm 2023	Số đầu năm 2023
A- Tài sản ngắn hạn	30,730	35,543	29,970	27,658
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	2,542	1,952	1,760	2,498
1. Tiền	2,542	1,952	1,760	2,498
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	23,770	28,858	19,898	18,920
1. Phải thu khách hàng	19,853	24,977	16,770	17,751
2. Trả trước cho người bán	0,381	0,632	0,100	0,100
3. Các khoản phải thu khác	3,992	3,705	3,418	1,458
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(0,456)	(0,456)	(0,390)	(0,390)
IV- Hàng tồn kho	4,417	4,733	8,312	6,207
1. Hàng tồn kho	4,417	4,733	8,312	6,207
V- Tài sản ngắn hạn khác				0,033
1. Thuế và các khoản khác phải thu				0,033
B- Tài sản dài hạn	1,686	1,813	0,837	1,045
II. Tài sản cố định	1,629	1,761	0,758	0,993
1. Tài sản cố định hữu hình	1,629	1,761	0,743	0,978
- Nguyên giá	16,044	16,628	15,007	15,007
- Giá trị hao mòn lũy kế	(14,415)	(14,867)	(14,265)	(14,030)
2. Tài sản cố định vô hình			0,015	0,015
- Nguyên giá			0,254	0,254
- Giá trị hao mòn lũy kế			(0,239)	(0,239)
III. Tài sản dài hạn khác	0,057	0,051	0,079	0,052
1. Chi phí trả trước dài hạn	0,057	0,051	0,079	0,052

*Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1*

Tài sản	32,415	37,356	30,808	28,703
A- Nợ phải trả	13,886	18,826	25,157	23,052
I- Nợ ngắn hạn	13,886	18,826	25,157	23,052
1. Phải trả người bán	2,334	4,364	1,034	0,383
2. Người mua trả tiền trước	2,444	2,707	4,267	1,727
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	0,248	0,753	0,538	0,539
4. Phải trả người lao động	0,752	1,971	2,193	4,073
5. Chi phí phải trả	0,000	0,040	0,003	0,000
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	2,058	2,143	7,262	10,321
7. Vay và nợ ngắn hạn	5,182	5,978	9,818	5,961
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	0,866	0,871	0,042	0,049
B- Vốn chủ sở hữu	18,530	18,530	5,651	5,651
I- Vốn chủ sở hữu	18,530	18,530	5,651	5,651
1. Vốn góp của chủ sở hữu	17,102	17,102	4,870	4,870
2. Quỹ đầu tư phát triển	1,428	1,428	0,781	0,781
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối				
+ LNST chưa phân phối lũy kế đến nay	0,208		(0,111)	
+ LNST chưa phân phối kỳ này	(0,208)		0,111	
Nguồn vốn	32,415	37,356	30,808	28,703

Chi tiêu	MTV3		MTV4	
	Số cuối năm 2023	Số đầu năm 2023	Số cuối năm 2023	Số đầu năm 2023
A- Tài sản ngắn hạn	13,531	12,289	43,638	42,396
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	0,020	0,001	0,606	0,915
1. Tiền	0,020	0,001	0,606	0,915
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	4,409	3,243	28,863	27,939
1. Phải thu khách hàng	2,856	3,071	26,278	25,545
2. Trả trước cho người bán	0,330	0,330	0,586	0,586
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			2,200	2,200
4. Các khoản phải thu khác	1,877	0,530	0,835	0,644
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(0,653)	(0,688)	(1,036)	(1,036)
IV- Hàng tồn kho	9,095	9,044	14,168	13,509
1. Hàng tồn kho	9,095	9,044	14,168	13,509
V- Tài sản ngắn hạn khác	0,007	0,002		0,033
1. Chi phí trả trước ngắn hạn				0,032
2. Thuế GTGT được khấu trừ	0,007	0,002		0,001
B- Tài sản dài hạn	1,399	1,566	0,047	0,182
II. Tài sản cố định	1,399	1,566	0,047	0,060
1. Tài sản cố định hữu hình	1,042	1,209	0,047	0,060
- Nguyên giá	6,536	6,536	3,335	3,335



*Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1*

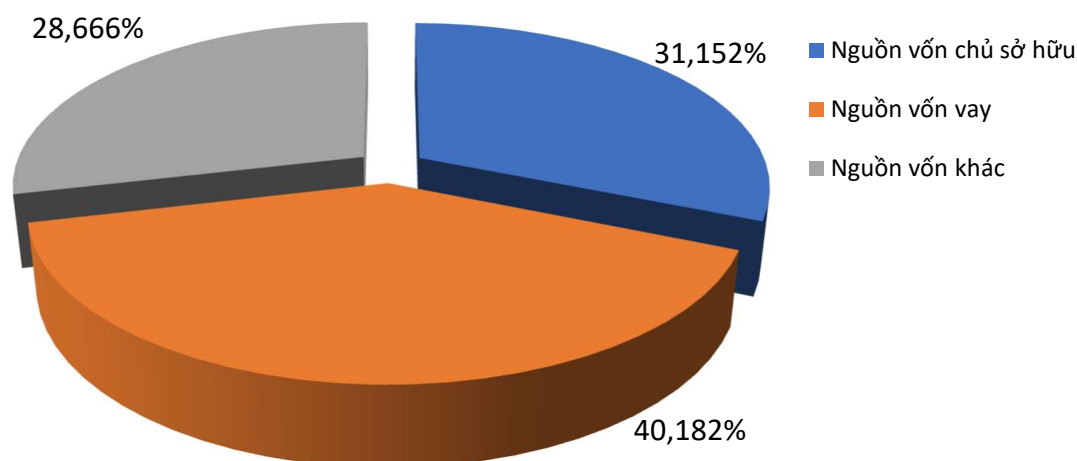
- Giá trị hao mòn lũy kế	(5,494)	(5,327)	(3,287)	(3,275)
2. Tài sản cố định vô hình	0,357	0,357		
- Nguyên giá	1,189	1,189		
- Giá trị hao mòn lũy kế	(0,833)	(0,833)		
IV. Tài sản dở dang dài hạn				0,065
1. Chi phí XDCB doanh dở dang				0,065
V. Tài sản dài hạn khác				0,057
1. Chi phí trả trước dài hạn				0,057
Tài sản	14,929	13,855	43,685	42,578
A- Nợ phải trả	11,262	9,947	41,001	39,939
I- Nợ ngắn hạn	11,262	9,947	41,001	39,939
1. Phải trả người bán	0,088	0,088	1,675	1,541
2. Người mua trả tiền trước	2,881	2,328	14,799	13,654
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước			3,481	4,909
4. Phải trả người lao động			2,066	2,889
5. Chi phí phải trả	3,312	2,185		
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	2,700	2,592	15,169	14,069
7. Vay và nợ ngắn hạn	0,969	1,438	3,453	2,520
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1,311	1,316	0,358	0,358
B- Vốn chủ sở hữu	3,668	3,908	2,684	2,638
I- Vốn chủ sở hữu	3,668	3,908	2,684	2,638
1. Vốn góp của chủ sở hữu	6,517	6,517	6,060	6,060
2. Quỹ đầu tư phát triển	1,699	1,699	1,374	1,374
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(4,548)	(4,308)	(4,750)	(4,796)
+ LNST chưa phân phối lũy kế đến nay	(4,516)	(4,249)	(5,290)	0,129
+ LNST chưa phân phối kỳ này	(0,032)	(0,058)	0,540	(4,925)
Nguồn vốn	14,929	13,855	43,685	42,578

*Bảng 13. Tình hình sử dụng vốn*

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

Nguồn vốn	Hợp nhất			
	Tại ngày 01/01/2023	Tăng	Giảm	Tại ngày 31/12/2023
1. Nguồn vốn chủ sở hữu	295,462	65,956		361,419
2. Nguồn vốn vay	527,837	23,085	84,745	466,176
3. Nguồn vốn khác	369,886	18,705	56,014	332,577
Tổng cộng	1.193,185	107,746	140,759	1.160,172

**Tình hình sử dụng vốn năm 2023**



Nguồn vốn	Công ty Mẹ			
	Tại ngày 01/01/2023	Tăng	Giảm	Tại ngày 31/12/2023
1. Nguồn vốn chủ sở hữu	293,254	78,178		371,432
2. Nguồn vốn vay	511,941	23,085	88,271	446,754
3. Nguồn vốn khác	328,640	26,566	59,292	295,914
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.133,834</b>	<b>127,829</b>	<b>147,563</b>	<b>1.114,100</b>

Nguồn vốn	MTV1				MTV2			
	Tại ngày 01/01	Tăng	Giảm	Tại ngày 31/12	Tại ngày 01/01	Tăng	Giảm	Tại ngày 31/12
1. Nguồn vốn chủ sở hữu	18,530		4,145	14,384	5,651			5,651
2. Nguồn vốn vay	5,978		0,795	5,182	5,961	3,857		9,818
3. Nguồn vốn khác	12,848			12,848	17,092	3,193	4,947	15,339
<b>Tổng cộng</b>	<b>37,356</b>		<b>4,941</b>	<b>32,415</b>	<b>28,703</b>	<b>7,051</b>	<b>4,947</b>	<b>30,808</b>

Nguồn vốn	MTV3				MTV4			
	Tại ngày 01/01	Tăng	Giảm	Tại ngày 31/12	Tại ngày 01/01	Tăng	Giảm	Tại ngày 31/12
1. Nguồn vốn chủ sở hữu	3,908		0,240	3,668	2,638	0,046		2,684
2. Nguồn vốn vay	1,438		0,469	0,969	2,520	0,934		3,453
3. Nguồn vốn khác	8,510	1,789	0,005	10,293	37,419	2,379	2,251	37,548
<b>Tổng cộng</b>	<b>13,855</b>	<b>1,789</b>	<b>0,714</b>	<b>14,929</b>	<b>42,578</b>	<b>3,359</b>	<b>2,251</b>	<b>43,685</b>

Bảng 14. Nguồn vốn khác

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Hợp nhất		Công ty Mẹ		Hợp nhất	Mẹ
	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022		
1. Phải trả người bán	62,456	73,667	75,509	89,392	-11,211	-13,884
2. Người mua trả tiền trước	77,861	93,183	67,426	85,290	-15,322	-17,864
3. Thuế và các khoản phải nộp	30,951	26,380	26,684	20,179	4,570	6,505
4. Phải trả người lao động	50,088	38,862	45,076	29,930	11,226	15,146
5. Chi phí phải trả	19,106	16,573	18,870	14,348	2,533	4,522
6. Các khoản phải trả, phải nộp	89,028	118,509	61,839	89,383	-29,480	-27,544
7. Vay và nợ ngắn hạn	205,477	290,222	186,055	274,326	-84,745	-88,271
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3,087	2,711	0,509	0,118	0,376	0,392
Tổng cộng	538,054	660,108	481,969	602,966	-122,054	-120,997

Bảng 15. Lưu chuyển tiền tệ

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Hợp nhất		Công ty Mẹ	
	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	95,679	144,393	107,676	145,597
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	40,037	43,279	39,395	42,418
- Các khoản dự phòng	38,418	43,783	26,425	47,447
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	(0,465)	(1,502)	(0,465)	(1,502)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(0,071)	(0,252)	(0,728)	(0,530)
- Chi phí lãi vay	37,774	43,154	37,066	42,878
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	211,372	272,855	209,369	276,307
- Tăng giảm các khoản phải thu	(74,839)	7,661	(77,519)	1,037
- Tăng giảm hàng tồn kho	9,836	30,518	12,336	31,154
- Tăng giảm các khoản phải trả	(4,356)	(44,164)	(0,707)	(51,992)
- Tăng giảm chi phí trả trước	0,565	0,128	0,509	0,115
- Tiền lãi vay đã trả	(31,641)	(51,227)	(30,934)	(50,951)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(32,288)	(4,747)	(30,482)	(4,586)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	0,000	4,437	0,000	4,437
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(0,679)	(8,365)	(0,663)	(8,050)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	77,969	207,095	81,909	197,472
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản	(4,010)	(2,034)	(3,979)	(1,284)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản	0,017	0,252	0,017	
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	0,053	0,000	0,047	0,530
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(3,939)	(1,782)	(3,914)	(0,754)
III- Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				

*Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1*

1. Tiền thu từ đi vay	15,224	3,120		
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	(76,884)	(192,542)	(65,186)	(182,856)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(34,879)	(9,701)	(34,879)	(9,701)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(96,539)	(199,123)	(100,065)	(192,557)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(22,509)	6,190	(22,070)	4,161
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	46,057	38,573	40,690	35,235
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	0,270	1,293	0,270	1,293
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	23,817	46,057	18,889	40,690

Chi tiêu	MTV1		MTV2	
	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	0,481	0,502	0,368	0,161
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	0,228	0,354	0,313	0,183
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư			(0,002)	(0,009)
- Chi phí lãi vay		0,034	0,663	0,250
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	0,708	0,889	1,342	0,585
- Tăng giảm các khoản phải thu	5,088	4,866	(0,799)	17,351
- Tăng giảm hàng tồn kho	0,316	1,228	(1,568)	(1,267)
- Tăng giảm các khoản phải trả	(4,127)	(3,594)	(3,222)	(9,228)
- Tăng giảm chi phí trả trước	(0,005)	(0,046)	(0,027)	0,148
- Tiền lãi vay đã trả	0,000	(0,107)	(0,035)	(0,250)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(0,119)	(0,070)		(0,035)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	1,654	(0,020)	6,919	0,000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(1,456)		(2,959)	(0,285)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	2,058	3,145	(0,350)	7,018
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn		(0,176)		(0,574)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn				0,009
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	0,004			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	0,004	(0,176)		(0,565)
<b>III- Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay		0,833		1,727
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	(1,472)	(1,893)	(0,392)	(6,267)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu				(0,128)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(1,472)	(1,060)	(0,392)	(4,668)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	0,590	1,909	(0,741)	1,785
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	1,952	0,043	2,498	0,713
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	2,542	1,952	1,757	2,498

*Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1*

Chỉ tiêu	MTV3		MTV4	
	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	(0,240)	(0,242)	0,086	(4,758)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	0,167	0,167	0,013	0,157
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư				(0,079)
- Chi phí lãi vay			0,041	0,009
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi	(0,073)	(0,075)	0,140	(4,671)
- Tăng giảm các khoản phải thu	(0,190)	1,730	(0,923)	4,195
- Tăng giảm hàng tồn kho	(0,052)	(0,104)	(0,660)	(0,493)
- Tăng giảm các khoản phải trả	1,969	(0,897)	0,088	(0,299)
- Tăng giảm chi phí trả trước			0,089	(0,089)
- Tiền lãi vay đã trả			(0,041)	(0,009)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp				(0,056)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(1,391)			(0,010)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	0,263	0,655	(1,307)	(1,432)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản			0,065	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản				0,079
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư			0,065	0,079
III- Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay		0,143	2,331	0,417
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	(0,245)	(0,810)	(1,397)	(0,717)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(0,245)	(0,667)	0,934	(0,300)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	0,018	(0,012)	(0,309)	(1,653)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	0,001	0,013	0,915	2,569
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	0,020	0,001	0,606	0,915

5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

Công ty luôn duy trì công tác quản lý môi trường, tuân thủ tuyệt đối các quy định của Pháp luật về công tác bảo vệ môi trường, nâng cao ý thức của người lao động trong vấn đề bảo vệ môi trường. Điều kiện vệ sinh môi trường lao động hàng năm được Công ty kiểm tra, đánh giá và khắc phục kịp thời.

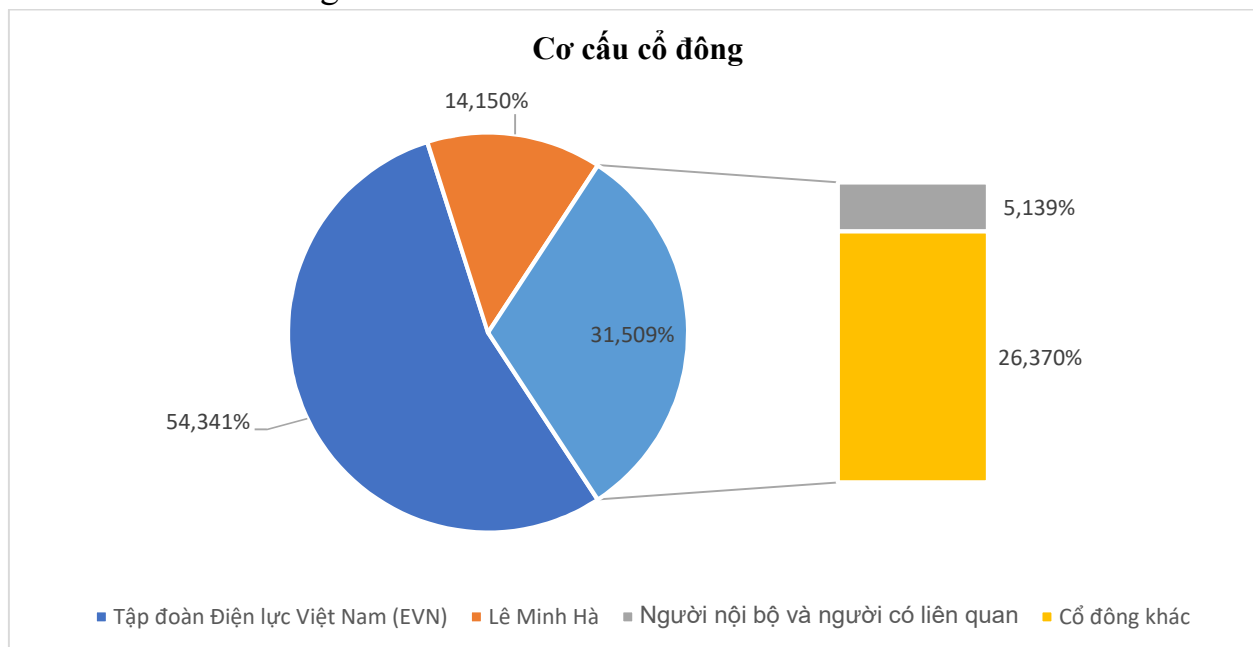
Công ty luôn ý thức được trách nhiệm của mình đối với cộng đồng và xã hội trong công tác tư vấn cũng như hoạt động đầu tư. Tất cả các dự án Công ty tham gia công tác tư vấn, đầu tư đều tham vấn cộng đồng địa phương; tìm hiểu điều kiện môi trường tự nhiên và kinh tế-xã hội khu vực thực hiện dự án; đánh giá, dự báo tác động môi trường của dự án...; đưa ra các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động tiêu cực, ứng phó rủi ro, sự cố của dự án...

6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

6.1. Cổ phần

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đang lưu hành: 26.691.319 cổ phần.
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.
- Số lượng cổ phần được tự do chuyển nhượng: 26.691.319 cổ phần.
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.

6.2. Cơ cấu cổ đông



Bảng 16. Chi tiết cơ cấu cổ đông

TT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông sáng lập/cổ đông FDI	0	0,00%	0	0	0
	- Trong nước	0	0,00%	0	0	0
	- Nước ngoài	0	0,00%	0	0	0
2	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn)	18.281.052	68,49%	2	1	1
	- Trong nước	18.281.052	68,49%	2	1	1
	+ EVN	14.504.227	54,34%	1	1	0
	+ Ông Lê Minh Hà	3.776.825	14,15%	1	0	1
	- Nước ngoài	0	0,00%	0	0	0
3	Công đoàn công ty	0	0,00%	0	0	0
	- Trong nước	0	0,00%	0	0	0
	- Nước ngoài	0	0,00%	0	0	0
4	Cổ phiếu quỹ	0	0,00%	0	0	0
5	Cổ đông sở hữu CP ưu đãi	0	0,00%	0	0	0
6	Cổ đông khác	8.410.267	31,51%	1527	7	1520
	- Trong nước	8.408.651	31,50%	1524	6	1.518

*Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1*

	- Nước ngoài	1616	0,01%	3	1	2
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>26.691.319</b>	<b>100,00%</b>	<b>1528</b>	<b>7</b>	<b>1.521</b>
	Trong đó:					
	- Trong nước	26.689.703	99,99%	1525	6	1.548
	- Nước ngoài	1616	0,01%	3	1	2

*Bảng 17. Cổ đông phân loại theo mô hình sở hữu*

TT	Đối tượng	Số lượng CP chuyên nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông đặc biệt	18.281.052	18.281.052	68,491%
1	EVN	14.504.227	14.504.227	54,341%
2	Cổ đông lớn (ông Lê Minh Hà)	3.776.825	3.776.825	14,150%
3	Cổ đông chiến lược	0	0	0,000%
4	Cổ đông sáng lập	0	0	0,000%
5	Cổ đông FDI	0	0	0,000%
II	Người nội bộ và người có liên quan	1.371.740	1.371.740	5,139%
1	Hội đồng quản trị	272.795	272.795	1,022%
	- Ông Nguyễn Tài Anh, Chủ tịch	0	0	0,000%
	- Ông Nguyễn Hữu Chính, Thành viên kiêm TGĐ	2.401	2.401	0,009%
	- Ông Trần Thái Hải, Thành viên kiêm PTGĐ	4.000	4.000	0,015%
	- Ông Lê Thành Chung, Thành viên	1.840	1.840	0,007%
	- Ông Lê Văn Lực, Thành viên độc lập	264.554	264.554	0,991%
2	Ban Tổng Giám đốc	375.216	375.216	1,406%
	- Ông Nguyễn Kim Cương, PTGĐ	0	0	0,000%
	- Ông Đỗ Việt Khoa, PTGĐ	375.216	375.216	1,406%
3	Ban Kiểm soát	3.906	3.906	0,015%
	- Ông Nguyễn Hồng Quang, Trưởng ban	0	0	0,000%
	- Bà Nguyễn Hoàng Diệp, KSV	0	0	0,000%
	- Bà Cao Thúy Nga, KSV	3.906	3.906	0,015%
4	Ông Dương Anh Tuấn, Quyền Kế toán trưởng	5	5	0,000%
5	Ông Đỗ Minh Hải, Người phụ trách quản trị công ty	10	10	0,000%
6	Ông Nguyễn Tự Minh, Người được UQ CBTT	4	4	0,000%
7	Người có liên quan của người nội bộ	719.804	719.804	2,697%
	- Bà Vũ Thị Thanh Hương (Vợ ông Đỗ Việt Khoa)	581.500	581.500	2,179%
	- Ông Đỗ Mạnh Hùng (Anh ông Đỗ Việt Khoa)	33.800	33.800	0,127%
	- Ông Đỗ Tiến Dũng (Anh ông Đỗ Việt Khoa)	21.400	21.400	0,080%
	- Ông Đỗ Thành Chương (Em ông Đỗ Việt Khoa)	28.900	28.900	0,108%
	- Ông Đỗ Tiến Hải (Em ông Đỗ Việt Khoa)	22.900	22.900	0,086%
	- Ông Vũ Văn Bằng (Bố vợ ông Đỗ Việt Khoa)	30.200	30.200	0,113%
	- Ông Dương Anh Chiến (Em ông Dương Anh Tuấn)	1.104	1.104	0,004%
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0,000%
IV	Công đoàn công ty	0	0	0,000%

## Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1

V	Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi	0	0	0,000%
VI	Cổ đông khác	7.038.527	7.038.527	26,370%
1	Cá nhân	7.037.068	7.037.068	26,365%
2	Tổ chức (không bao gồm cổ phần của EVN)	1.459	1.459	0,005%
	TỔNG CỘNG	26.691.319	26.691.319	100,000%

### 6.3. Thông tin về cổ đông lớn

#### a) Tập đoàn Điện lực Việt Nam

- Tập đoàn Điện lực Việt Nam là cổ đông nhà nước đồng thời là cổ đông lớn. Tập đoàn Điện lực Việt Nam nắm giữ 14.504.227 cổ phiếu TV1, chiếm tỷ lệ 54,34% vốn điều lệ.

- Địa chỉ liên lạc: Số 11 Phố Cửa Bắc, Trúc Bạch, Ba Đình, Hà Nội.

- Nhóm người đại diện quản lý số vốn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại Công ty gồm:

+ Ông Nguyễn Tài Anh, Chủ tịch Hội đồng quản trị; ông Nguyễn Tài Anh quản lý 40% số vốn, tương ứng với số cổ phần là 5.801.690 cổ phần, chiếm tỷ lệ 21,74% vốn điều lệ.

+ Ông Nguyễn Hữu Chính, Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Người đại diện pháp luật; ông Nguyễn Hữu Chính quản lý 30% số vốn, tương ứng với số cổ phần là 4.351.268 cổ phần, chiếm tỷ lệ 16,30% vốn điều lệ.

+ Ông Trần Thái Hải, Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc; ông Trần Thái Hải quản lý 30% số vốn, tương ứng với số cổ phần là 4.351.269 cổ phần, chiếm tỷ lệ 16,30% vốn điều lệ.

#### b) Ông Lê Minh Hà

- Ông Lê Minh Hà nắm giữ 3.776.825 cổ phiếu TV1, chiếm tỷ lệ 14,15% vốn điều lệ.

- Địa chỉ liên lạc: Số nhà 73 phố Long Biên 1, phường Ngọc Lâm, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

### 6.4. Các vấn đề khác

- Danh sách cổ đông có cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: Không

- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

- Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

- Các chứng khoán khác: Không

## III. Báo cáo đánh giá của ban Tổng Giám đốc

### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

#### 1.1. Về phát triển thị trường

Năm 2023, giá trị các hợp đồng ký mới đạt 450,564 tỷ đồng, tăng 92,413 tỷ đồng, tăng 125,803% so với năm 2022 (358,150 tỷ đồng)



1.2. Doanh thu, lợi nhuận

Tổng doanh thu thực hiện năm 2023 đạt 534,674 tỷ đồng, giảm nhẹ 0,433% so với kế hoạch ĐHCĐ thường niên năm 2023 thông qua (537 tỷ đồng) và giảm 17,314% so với thực hiện năm 2022 (646,634 tỷ đồng). Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 533,270 tỷ đồng chủ yếu từ hai lĩnh vực chính: khảo sát thiết kế và phát điện.

1.3. Cơ cấu doanh thu năm 2023:

- Khảo sát thiết kế xây lắp: 318,677 tỷ đồng.
- Phát điện: 214,594 tỷ đồng.
- Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác: 1,404 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế: 68,756 tỷ đồng.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tài sản

- Tài sản năm 2023 (1.168 tỷ đồng) của Công ty giảm nhẹ so với năm 2022 (1.193 tỷ đồng). Đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản:

	Năm 2023	Năm 2022
+ Lợi nhuận thuần/BQ tổng tài sản (%)	8,857	12,235

2.2. Nợ phải trả

	Năm 2023	Năm 2022
+ Hệ số nợ trên tổng tài sản (lần)	0,675	0,752

3. Những kết quả Công ty đã đạt được

- Hợp đồng ký trong năm 2023: 450,564 tỷ đồng.
- Tổng doanh thu: 534,674 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế: 68,756 tỷ đồng.
- Thu nhập từ tiền lương và các khoản có tính chất lương bình quân đầu người/tháng: 18,296 triệu đồng.

- Trong năm 2023, Công ty đã nộp thuế: 94,119 tỷ đồng/99,865 tỷ đồng.

- Năm 2023, Công ty đã thực hiện:

+ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: 29,857 tỷ đồng

+ Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi: 8,561 tỷ đồng

+ Kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh tồn đọng vào giá vốn: 3,139 tỷ đồng  
Cộng 41,557 tỷ đồng

- Năm 2023, Công ty tiếp tục đầu tư cho công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, đầu tư thiết bị công nghệ, phần mềm tính toán, phần mềm quản lý....; Công ty đã ban hành những biện pháp quản lý tài chính, nhân sự nhằm mục đích khắc phục tình trạng khó khăn về tài chính, như: quản lý nợ phải thu, nợ phải trả; quản lý hàng tồn kho; quản lý lãi tiền vay; sắp xếp tổ chức bộ máy và định biên lao động, v.v.

- Công ty tiếp tục đảm nhận thực hiện công tác tư vấn cho các dự án quan trọng và cấp bách nhằm phục vụ mục tiêu chiến lược an ninh năng lượng Quốc gia.
- Công ty đã trả lương kịp thời cho người lao động do đó giữ chân được người lao động hạn chế tình trạng chảy máu chất xám góp phần huy động lực lượng chuyên gia và kỹ sư trình độ cao để đáp ứng các yêu cầu về chất lượng và tiến độ của các công trình trọng điểm, góp phần đảm bảo thành công của dự án.
- 4. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý
  - Hoàn thành xây dựng Thỏa ước lao động.
  - Xây dựng, ban hành áp dụng Quy định về Quy định về quản lý kỹ thuật và chất lượng công tác khảo sát áp dụng trong PECC1; quản lý và sử dụng phần mềm; lưu trữ hồ sơ kỹ thuật trong PECC1; quản lý, khai thác mạng máy tính và sử dụng hệ thống thư điện tử trong PECC1; quản lý và thực hiện hợp đồng trong PECC1; lựa chọn nhà thầu phụ và chuyên gia trong PECC1; Quy chế trả lương viên chức quản lý; Phân công nhiệm vụ trong Hội đồng quản trị.
  - Hoàn thành soạn thảo lấy ý kiến đóng góp của cá nhân và đơn vị liên quan một số quy chế, quy định: Quy chế tài chính, Quy chế quản lý thực hiện công việc...
  - Hoàn thành công tác rà soát, bổ sung QHCB giai đoạn 2022-2026 và giai đoạn 2026-2031 diện Công ty quản lý và EVN quản lý.
  - Chuẩn bị các báo cáo trình HĐQT, HĐTV EVN, tổ chức các hội nghị lấy ý kiến, hoàn thiện hồ sơ, hoàn thành thủ tục cử lại Người đại diện phần vốn tại PECC1 và ứng cử Thành viên Hội đồng quản trị PECC1.
  - Hoàn thiện thủ tục đề nghị cấp có thẩm quyền/người có thẩm quyền phê duyệt kiện toàn bổ sung chức vụ Phó Phòng Kỹ thuật và Hợp tác quốc tế, 02 Trưởng phòng thuộc Trung tâm Tư vấn Thủy điện (Trưởng phòng Công trình 1, Trưởng phòng Công trình 2, điều động và bổ nhiệm Phó Chánh Văn Phòng.
  - Hoàn thiện thủ tục bổ nhiệm lại các chức danh do Công ty quản lý cho 19 cán bộ đến hạn theo quy định.
  - Tiếp nhận đề nghị bổ sung lao động; thông báo, tổng hợp hồ sơ, tổ chức thi tuyển. Đã tổ chức tuyển dụng: 02 đợt, ký HĐLĐ mới bổ sung lao động cho các đơn vị sản xuất đối với: 12 kỹ sư.
  - Tổ chức các lớp đào tạo tiếng Anh tại Công ty cho các Kỹ sư của Công ty (TVTĐ, TVLĐ, P8).
  - Phối hợp hoàn thành hồ sơ, đề nghị và được gia hạn chứng chỉ đầu thầu chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng I, hạng II và hạng III.
  - Tính toán, trích và đóng bảo hiểm đầy đủ, đúng hạn; phối hợp giải quyết kịp thời các chế độ chính sách cho người lao động.

5. Dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

5.1. Doanh thu

Năm 2024, Công ty đặt ra mục tiêu doanh thu khoảng 537 tỷ đồng, chủ yếu đến từ lĩnh vực sản xuất kinh doanh truyền thống của Công ty, trong đó:

- Khảo sát, tư vấn, xây lắp : 350 tỷ đồng;
- Bán điện : 187 tỷ.

5.2. Chỉ tiêu tài chính

- Lợi nhuận sau thuế: 84,8 tỷ đồng;
- Cổ tức : 5%/vốn điều lệ

6. Vấn đề khác

Chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, cổ tức chỉ là dự kiến; các chỉ tiêu trên sẽ được chuẩn xác lại khi được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua và được ghi nhận tại Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ.

Năm 2024, Công ty dự kiến mở rộng sản xuất kinh doanh ra một số ngành nghề tiềm năng ngoài lĩnh vực SXKD truyền thống của Công ty như quản lý vận hành đường dây và nhà máy điện, tham gia EPC dự án lưới điện, thực hiện các dự án cấp ngầm, lưới điện thông minh, thủy điện tại Lào, Nepal, năng lượng tái tạo, thủy lợi, kè biển, kè sông, v.v.

**IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

1.1. Những khó khăn

a) Về thị trường:

- Tình hình xung đột, mất ổn định trên Thế giới và các biện pháp trừng phạt Nga của các nước phương Tây đã làm cho lạm phát gia tăng trên toàn thế giới, giá nguyên, nhiên liệu hóa thạch tăng cao đã ảnh hưởng đến việc đầu tư, xây dựng các nhà máy điện;

- Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện 8-QHĐ8) đã xác định chi tiết kế hoạch phát triển đối với các dự án nguồn điện phù hợp cơ cấu nguồn điện đến năm 2030 với tổng công suất nhiệt điện khí LNG là 22.400 MW, nhiệt điện than là 30.127 MW và thủy điện là 29.346 MW; điện gió trên bờ là 21.880 MW, điện gió ngoài khơi 6.000 MW...Tuy nhiên, QHĐ8 hiện chỉ mới nêu danh mục, tổng công suất nhưng ai đầu tư, ai triển khai chưa có, Kế hoạch thực hiện QHĐ8 đang giai đoạn dự thảo và hoàn thiện nên các dự án điện cũng chậm triển khai.

- Quy mô thị trường KSTK truyền thống ngày càng thu hẹp, lĩnh vực thủy điện trong nước gần như không có dự án mới, các dự án mở rộng chưa được xem xét. Các dự án nhiệt điện than, khí cũng rất khó khăn do vấn đề về môi trường, nguyên liệu.... Các dự án lưới điện tuy còn nhiều dự địa nhưng nhiều dự án vướng quy hoạch hoặc

đi qua đất rừng dẫn đến nhiều công trình lưới điện bị chậm tiến độ, kéo theo công tác tư vấn cũng bị ảnh hưởng rất lớn. Sự cạnh tranh giữa các tư vấn ngày càng lớn, đồng thời các dự án điện đang triển khai cũng bị kéo dẫn chậm tiến độ ảnh hưởng đến công tác tư vấn ngành điện nói chung và PECC1 nói riêng.

- Theo cam kết của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị thượng đỉnh về biến đổi khí hậu của Liên Hợp Quốc cuối năm 2021 (COP26), một số dự án Nhiệt điện ở Việt Nam đã thay đổi mô hình và quy mô công suất dẫn đến ảnh hưởng lớn đến doanh thu công tác tư vấn Nhiệt điện của Công ty trong năm 2023.

- Để giảm nợ xấu, Công ty phải chọn lọc những hợp đồng có độ rủi ro thấp, Chủ đầu tư có khả năng về tài chính.

b) Về tài chính:

Năm 2023, Công ty vẫn chịu áp lực lớn về thiếu vốn do nợ phải thu, chi phí lãi vay tuy có giảm nhưng vẫn ở mức cao (năm 2017: 94,826 tỷ đồng, năm 2018: 85,356 tỷ đồng, năm 2019: 76,925 tỷ đồng, năm 2020: 79,401 tỷ đồng, năm 2021: 57,598 tỷ đồng, năm 2022: 43,154 tỷ đồng và năm 2023: 37,771 tỷ đồng). Một mặt Công ty phải thực hiện trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi, kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tồn đọng vào giá vốn các công trình đã hết doanh thu nhưng còn chi phí dở dang nhằm khắc phục và lành mạnh hóa tài chính, mặt khác Công ty phải hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác và phấn đấu chỉ tiêu có lãi để có thể đưa cổ phiếu niêm yết trở lại.

c) Về quản trị, quản lý:

Năm 2023 là năm Công ty tiếp tục triển khai tái cơ cấu toàn diện để đổi mới và tăng cường hiệu quả hoạt động. Theo đó, Công ty chú trọng đến các mục tiêu về cơ cấu lại lĩnh vực và phạm vi kinh doanh, thu gọn đầu mối, phát triển năng lực tư vấn, quản trị và quản lý nội bộ, khắc phục tài chính, hướng tới phát triển bền vững. Các yếu tố này làm chi phí tăng cao và tình hình tài chính biến động trong ngắn hạn.

1.2. Các giải pháp Công ty đã thực hiện

a) Về công tác quản trị, quản lý

- Công ty đã xây dựng định hướng phát triển toàn diện và bền vững cho Công ty, qua đó xác định những mục tiêu và giải pháp thực hiện;

- Sử dụng hiệu quả lực lượng quản lý, vận hành NMTĐ Sông Bung 5;

- Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra và giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với các Công ty TNHH MTV thông qua Quy chế quản lý vốn và người đại diện và Quy định về tiêu chí đánh giá người đứng đầu đơn vị trong PECC1; tăng cường trách nhiệm giám sát của HĐQT và các Kiểm soát viên.

Nhìn chung, Công tác quản trị, quản lý và điều hành được cải thiện rõ rệt, tạo được sự đồng thuận rất cao trong tập thể Đảng bộ, Lãnh đạo, các tổ chức đoàn thể và CBCNV; từng bước lấy lại niềm tin và sự nhiệt huyết của người lao động.

b) Về công tác tài chính

- Tích cực và linh hoạt trong công tác thu hồi công nợ; đẩy mạnh công tác nghiệm thu thanh quyết toán và thanh lý các hợp đồng đã hoàn thành nhằm giảm chi phí dở dang và lượng hàng tồn kho.

- Hạch toán và quản lý chi phí theo Hợp đồng; rà soát chi phí dở dang, sản lượng dở dang, nợ phải thu đặc biệt đối với các công trình đã quyết toán và các công trình dừng thực hiện; qua đó kiểm soát tốt hơn hàng tồn kho, nợ phải thu, kiểm soát ứng chi phí phù hợp trong từng giai đoạn và làm cơ sở cho việc minh bạch hoá tài chính;

- Ưu tiên thanh toán các khoản vay lãi suất cao để giảm chi phí lãi vay trên cơ sở cân đối dòng tiền về và thanh toán các khoản nợ lương.

- Hội đồng quản trị thông qua Phương án giám sát khắc phục tình hình tài chính giai đoạn 2023-2025 đối với MTV1, MTV2, MTV4, giao các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận trước thuế, chi phí SXKD dở dang, nợ phải trả, hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu, ... và giao

+ Người đại diện vốn của Công ty tại các MTV thực hiện xây dựng kế hoạch cụ thể để quyết liệt thực hiện khắc phục tình hình tài chính.

+ Tổng Giám đốc tổ chức thực hiện giám sát tại các MTV.

+ Kiểm soát viên do Công ty cử tại các MTV: Kiểm tra chặt chẽ, thường xuyên tình hình thực hiện phương án khắc phục cũng như tình hình hoạt động SXKD, tình hình tài chính, định kỳ hàng quý báo cáo kết quả về HĐQT và Ban kiểm soát Công ty.

2. Kết quả đạt được

Công ty tiếp tục nhận được sự chỉ đạo sát sao, sự hỗ trợ hiệu quả của lãnh đạo Tập đoàn EVN về cơ chế chính sách, phát triển thị trường, nghiệm thu, thanh quyết toán các công trình. Vì vậy Công ty đã hoàn thành và thu hồi các khoản nợ khó đòi của các dự án từ những năm trước để lại.

Tình hình thủy văn trong khu vực thủy điện Sông Bung 5 thuận lợi, vì vậy kết quả sản xuất điện của NMTĐ Sông Bung 5 tốt.

Lãnh đạo và người lao động trong Công ty cùng đồng lòng vượt qua những khó khăn của công ty.

Các dự án của Công ty thực hiện đã đáp ứng được tiến độ, chất lượng, hiệu quả, nhiều dự án quy mô lớn điều kiện địa chất phức tạp, xây dựng trong vùng động đất, được áp dụng công nghệ hiện đại đã được đưa vào vận hành an toàn, hiệu quả góp phần nâng cao thương hiệu Công ty.

3. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Ban điều hành Công ty đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Ban điều hành đã có nhiều cố gắng để hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh. Các thành viên của Ban điều hành Công ty có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, hành động vì lợi ích chung của Công ty.

**V. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2024**

1. Tổ chức thành công ĐHCĐ thường niên năm 2024;

2. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp; Tiếp tục sắp xếp, tái cơ cấu tổ chức để tăng cường tính linh hoạt trong điều hành, tối ưu sử dụng chi phí, tăng năng suất lao động để đem lại hiệu quả tốt nhất cho Công ty.

3. Chỉ đạo Ban điều hành

- Hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024;

- Đàm phán lại giá điện bán điện theo hợp đồng với EVN phù hợp với sản lượng điện được Bộ Công Thương phê duyệt;

- Thực hiện các giải pháp về sản xuất kinh doanh, bao gồm triển khai thực hiện tốt và hiệu quả các hợp đồng đã ký, đẩy mạnh công tác phát triển thị trường và tìm kiếm hợp đồng có mức độ rủi ro thấp, đặc biệt các dự án có chủ đầu tư thuộc EVN; đề xuất EVN giao nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật trong lĩnh vực: an toàn đập và hạ du; đảm bảo an toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động các công trình nguồn và lưới điện; chiến lược phát triển hệ thống điện; công nghệ nối lưới và ổn định hệ thống khi tích hợp các nguồn năng lượng mới và tái tạo vào hệ thống...;

- Chú trọng phát triển các dịch vụ tư vấn cho các nhà máy thủy điện đang vận hành; mở rộng phát triển thị trường thủy điện tại Lào, Nepal; phát triển năng lực tư vấn thiết kế chi tiết cho từng hạng mục công nghệ phụ trợ trong nhà máy điện than, xây dựng năng lực tư vấn cho các dự án điện khí và năng lượng tái tạo, tham gia tư vấn cho các nhà máy nhiệt điện đang vận hành và từng bước xây dựng năng lực tư vấn quản lý dự án; tham gia và mở rộng mạng tư vấn giám sát các công trình lưới điện ở các cấp điện áp, tham gia tư vấn các dự án lưới điện phân phối, các dự án công nghệ mới (back-to-back, smart-grid, ...); Tham gia xây dựng mô hình BIM cho các nhà máy đang vận hành và các nhà máy mới; đầu tư phát triển trong các lĩnh vực tư vấn năng lượng mới, quản lý vận hành lưới điện và nhà máy, EPC trạm điện, tư vấn thủy lợi;

- Nâng cao hiệu quả thu hồi vốn, đẩy mạnh công tác nghiệm thu, thanh toán với các chủ đầu tư;

- Tăng cường giám sát và đối chiếu công nợ; tăng cường giám sát và quản lý hàng tồn kho, nợ phải thu, nợ phải trả; tiết kiệm và quản lý các chi phí; xây dựng các kế hoạch tài chính, kế hoạch nghiệm thu và kế hoạch thu hồi vốn trên cơ sở giá trị

các hợp đồng đã ký với các chủ đầu tư để cân đối dòng tiền; từng bước thực hiện các nghĩa vụ tài chính tồn đọng; nâng cao chất lượng sản phẩm và các dịch vụ tư vấn;

- Sắp xếp tổ chức bộ máy, định biên lao động đồng thời giải quyết chế độ chính sách cho người lao động theo quy định; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao với số lượng phù hợp; đầu tư trang thiết bị phần mềm công nghệ hiện đại;
- Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra và giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với các công ty TNHH một thành viên thuộc Công ty;
- Kiểm tra, rà soát, thu hồi các văn bản không còn phù hợp với các văn bản luật cũng như tình hình sản xuất hiện tại của Công ty; soạn thảo, sửa đổi bổ sung các văn bản phù hợp với các văn bản luật, tình hình sản xuất hiện tại của Công ty;
- Đảm bảo hài hoà lợi ích người lao động và cổ đông, bảo toàn và phát triển vốn.

## **VI. Quản trị Công ty**

### **1. Hội đồng quản trị**

#### **1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị**

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Nguyễn Tài Anh	Chủ tịch	30/06/2020	
2	Ông Nguyễn Hữu Chính	Thành viên	29/04/2021	
3	Ông Trần Thái Hải	Thành viên	29/06/2017	
4	Ông Lê Thành Chung	Thành viên	27/06/2023	
5	Ông Lê Văn Lực	Thành viên độc lập	27/06/2023	
6	Ông Nguyễn Đức Tuấn	Thành viên	29/06/2018	27/06/2023
7	Ông Nguyễn Đức Thành	Thành viên độc lập	29/06/2018	27/06/2023

#### **Nhiệm kỳ của Chủ tịch HĐQT và các thành viên**

Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm kỳ
Ông Nguyễn Tài Anh	Chủ tịch	2020-2025
Ông Nguyễn Hữu Chính	Thành viên	2021-2026
Ông Trần Thái Hải	Thành viên	2023-2028
Ông Lê Thành Chung	Thành viên	2023-2028
Ông Lê Văn Lực	Thành viên độc lập	2023-2028
Ông Nguyễn Đức Tuấn	Thành viên	2018-2023
Ông Nguyễn Đức Thành	Thành viên độc lập	2018-2023

Những người có liên quan tới các ông thành viên HĐQT: Nguyễn Tài Anh, Nguyễn Hữu Chính, Trần Thái Hải, Lê Thành Chung, Lê Văn Lực không sở hữu cổ phần cũng như không có các khoản nợ đối với Công ty.

#### **a) Ông Lê Thành Chung**

- Giới tính: Nam, Sinh ngày: 22/05/1976, Nơi sinh: Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội
- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại EVN: Trưởng Ban Quản lý đầu tư.
- Số CP nắm giữ: 1.840 cổ phần chiếm 0,007% vốn điều lệ, trong đó:
- + Đại diện sở hữu: Không

- + Cá nhân sở hữu: 1.840 Cổ phần
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Thù lao 6,21 triệu đồng/tháng và cổ tức.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.
- b) Ông Lê Văn Lược
  - Giới tính: Nam, Sinh ngày: 02/10/1959, Nơi sinh: Ninh Nhất, Thành phố Ninh Bình, Ninh Bình
  - Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
  - Số CP nắm giữ: 264.554 cổ phần, chiếm 0,991% vốn điều lệ, trong đó:
    - + Đại diện sở hữu: Không
    - + Cá nhân sở hữu: 264.554 cổ phần.
  - Lợi ích liên quan đối với Công ty: Thù lao 6,21 triệu đồng/tháng và cổ tức.
  - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

#### 1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty làm việc theo nguyên tắc tập thể dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch HĐQT, không thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.

#### 1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Chủ trì, chỉ đạo và tổ chức thành công cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023; giám sát, chỉ đạo công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch, chính xác, kịp thời theo đúng quy định.
- Năm 2023, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện các cuộc họp định kỳ, đột xuất, cho ý kiến bằng văn bản để kịp thời xem xét và thông qua các nghị quyết/quyết định liên quan đến các vấn đề lớn của Công ty thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT; giám sát thực hiện các nghị quyết/quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ đã ban hành; giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc phân cấp, uỷ quyền cho Tổng Giám đốc giải quyết một số vấn đề theo đúng chủ trương đã được thống nhất. Các thành viên Hội đồng quản trị có tinh thần trách nhiệm vì công việc và sự phát triển của Công ty, phối hợp hiệu quả với Ban Kiểm soát để đảm bảo các hoạt động của Công ty minh bạch.

#### 1.4. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Tài Anh	42	100%	
2	Ông Nguyễn Hữu Chính	42	100%	
3	Ông Trần Thái Hải	42	100%	
4	Ông Nguyễn Đức Tuấn	19	45%	Thôi giữ chức vụ thành viên HĐQT kể từ ngày 27/06/2023
5	Ông Nguyễn Đức Thành	19	45%	Thôi giữ chức vụ thành viên độc lập HĐQT từ ngày 27/06/2023



6	Ông Lê Văn Lực	23	55%	Bổ nhiệm giữ chức vụ thành viên độc lập HĐQT từ ngày 27/06/2023
7	Ông Lê Thành Chung	23	55%	Bổ nhiệm giữ chức vụ thành viên HĐQT từ ngày 27/06/2023

**1.5. Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị**

Stt	Số Nghị Quyết/Quyết Định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-TVĐ1-HĐQT	16/01/2023	Thông qua việc bảo đảm cấp tín dụng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Thăng Long	100%
2	02/NQ-TVĐ1-HĐQT	02/02/2023	Công tác cán bộ tại Công ty TNHH MTV KSXĐ Điện 2, Công ty TNHH MTV KSTKXD điện 4 và TT Tư vấn Lưới điện	100%
3	03/NQ-TVĐ1-HĐQT	07/02/2023	Phương án chuẩn bị cho công tác bàn giao, tiếp nhận tại MTV3	100%
4	04/NQ-TVĐ1-HĐQT	23/02/2023	Chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2023	100%
5	48/QĐ-TVĐ1-HĐQT	02/03/2023	Phê duyệt phương án kỹ thuật và dự toán mua sắm thay thế cầu trục chân dê thượng lưu-NMTĐ Sông Bung 5	100%
6	61/QĐ-TVĐ1-HĐQT	03/03/2023	Chương trình công tác năm 2023 của HĐQT	100%
7	05/NQ-TVĐ1-HĐQT	09/03/2023	Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH MTV TVXD Điện 3 Đà Nẵng	100%
8	68/QĐ-TVĐ1-HĐQT	09/03/2023	Kết quả rà soát, bổ sung QHCB giai đoạn 2022-2026 và giai đoạn 2026-2031 chức danh Chủ tịch kiêm Giám đốc các Công ty TNHH MTV	100%
9	69/QĐ-TVĐ1-HĐQT	10/03/2023	Phương án xử lý chi phí SXKD dở dang tồn đọng và trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi trong năm 2022	100%
10	70/QĐ-TVĐ1-HĐQT	10/03/2023	Phương án giám sát khắc phục tình hình tài chính đối với Công ty TNHH MTV KSXĐ Điện 2	100%
11	71/QĐ-TVĐ1-HĐQT	10/03/2023	Phương án giám sát khắc phục tình hình tài chính đối với Công ty TNHH MTV KSTKXD Điện 4	100%
12	72/QĐ-TVĐ1-HĐQT	10/03/2023	Phê duyệt hồ sơ thiết kế BVTC và dự toán hạng mục xử lý bồi lắng khu vực cửa nhận nước H1, H2-NMTĐ Sông Bung 5	100%
13	82/QĐ-TVĐ1-HĐQT	16/03/2023	Phương án giám sát khắc phục tình hình tài chính đối với Công ty TNHH MTV KSTKXD Điện 1	100%
14	06/NQ-TVĐ1-HĐQT	27/03/2023	Thay đổi thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023	100%
15	07/NQ-TVĐ1-HĐQT	27/03/2023	- Quy định lựa chọn nhà thầu phụ và chuyên gia	100%
			- Quy định quản lý và thực hiện hợp đồng	100%
16	09/NQ-TVĐ1-HĐQT	28/03/2023	Kế hoạch tuyển dụng lao động và Kế hoạch đào tạo năm 2023	100%

*Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1*

17	91/QĐ-TVĐ1-HĐQT	31/03/2023	Phương án xử lý tạm thời đối với các khoản vay cá nhân của ông Lê Minh Hà, ông Nguyễn Tài Sơn và người có liên quan	100%
18	10/NQ-TVĐ1-HĐQT	12/04/2023	Đánh giá, xếp loại cán bộ năm 2022	100%
19	11/NQ-TVĐ1-HĐQT	25/04/2023	Thay đổi thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023	100%
20	12/NQ-TVĐ1-HĐQT	29/04/2023	- Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2022	100%
			- Phương án vay lại lương chưa trả của người lao động	100%
			- Thông qua các nội dung dự thảo tài liệu chuẩn bị cho ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 trình EVN phê duyệt trước khi trình ĐHĐCĐ thông qua	100%
21	13/NQ-TVĐ1-HĐQT	23/05/2023	Thay đổi thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023	100%
22	14/NQ-TVĐ1-HĐQT	31/05/2023	Thay đổi thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023	100%
23	131/QĐ-TVĐ1-HĐQT	05/06/2023	Phê duyệt hồ sơ thiết kế BVTC và dự toán hạng mục xử lý giảm tổn thất cột nước tại lưới chắn rác Tổ máy 1&2-NMTĐ Sông Bung 5	100%
24	132/QĐ-TVĐ1-HĐQT	05/06/2023	Thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023	100%
25	135/QĐ-TVĐ1-HĐQT	13/06/2023	Phê duyệt hồ sơ thiết kế BVTC và dự toán hạng mục xử lý nạo vét đất đá khu vực kênh xả-NMTĐ Sông Bung 5	100%
26	16/NQ-TVĐ1-HĐQT	26/06/2023	Quỹ tiền lương thực hiện năm 2022	100%
27	17/NQ-TVĐ1-HĐQT	11/07/2023	- Về việc nghỉ hưu của cán bộ	100%
			- Phê duyệt phương án kỹ thuật và dự toán thí nghiệm định kỳ thiết bị điện tại NMTĐ Sông Bung 5	100%
	165/QĐ-TVĐ1-HĐQT	12/07/2023	- Kể từ ngày 01/08/2023, Ông Đặng Hoàng Cẩm thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty. Lý do: Nghỉ việc để hưởng chế độ hưu trí	100%
28	18/NQ-TVĐ1-HĐQT	21/07/2023	Phương án nhân sự lãnh đạo Công ty TNHH MTV TVXD Điện 3 Đà Nẵng	100%
29	19/NQ-TVĐ1-HĐQT	27/07/2023	- Quy định tạm thời chi phí cho người lao động làm việc tại Nepal	100%
			- Phê duyệt phương án xử lý và dự toán hạng mục cấp vật tư thiết bị, lắp đặt, nghiệm thu hệ thống báo cháy tự động và PCCC của NMTĐ Sông Bung 5	100%
30	20/NQ-TVĐ1-HĐQT	28/07/2023	- Phân công nhiệm vụ trong HĐQT	100%
			- Chương trình công tác 6 tháng cuối năm 2023 của HĐQT	100%
			- Giao người thực hiện chức trách, nhiệm vụ của người đứng đầu Phòng Tổ chức & Nhân sự	100%
			- Cơ cấu ban lãnh đạo TT Nhiệt điện & Năng lượng mới	100%

*Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1*

			- Kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2023	100%
31	21/NQ-TVĐ1-HĐQT	07/08/2023	- Bổ nhiệm lại cán bộ	100%
			- Bổ nhiệm cán bộ	100%
			- Giao người tiếp tục thực hiện chức trách, nhiệm vụ KTT Công ty TNHH MTV KSXD Điện 2	100%
32	214/QĐ-TVĐ1-HĐQT	17/08/2023	Phê duyệt dự toán các công tác chuyên ngành tại NMTĐ Sông Bung 5	100%
33	215/QĐ-TVĐ1-HĐQT	18/08/2023	Phê duyệt nhiệm vụ và dự toán dịch vụ Kiểm toán BVTC năm 2023	100%
34	221/QĐ-TVĐ1-HĐQT	21/08/2023	Phê duyệt dự toán các công tác chuyên ngành tại NMTĐ Sông Bung 5	100%
35	22/NQ-TVĐ1-HĐQT	21/08/2023	Công tác cán bộ tại Văn phòng, TT Nhiệt điện & Năng lượng mới, Công ty TNHH MTV KSTKXD Điện 1	100%
36	225/QĐ-TVĐ1-HĐQT	23/08/2023	Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Tư vấn nước ngoài hỗ trợ thực hiện công việc liên quan của gói thầu số 08 (TV08-QT1)-Dự án NMNĐ Quảng Trạch 1	100%
37	233/QĐ-TVĐ1-HĐQT	28/08/2023	Phê duyệt nhiệm vụ kỹ thuật và dự toán công tác đo đạc quan trắc biến dạng các hạng mục công trình chu kỳ 11-NMTĐ SB5	100%
38	234/QĐ-TVĐ1-HĐQT	28/08/2023	Thông qua chủ trương kiện toàn Giám đốc Công ty TNHH MTV TVXD Điện 3 Đà Nẵng	100%
39	235/QĐ-TVĐ1-HĐQT	28/08/2023	Thông qua hạn mức tín dụng và bảo lãnh năm 2023-2024 tại các ngân hàng TMCP	100%
40	236/QĐ-TVĐ1-HĐQT	28/08/2023	Phê duyệt kết quả rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ Công ty quản lý giai đoạn 2022-2026 và 2026-2031	100%
41	23/NQ-TVĐ1-HĐQT	29/08/2023	- Công việc chuẩn bị để giải quyết vấn đề vay nợ cá nhân	100%
			- Thông qua các nội dung sửa đổi và nội dung yêu cầu bổ sung và nguyên tắc hoàn thiện dự thảo Quy chế tài chính	100%
42	245/QĐ-TVĐ1-HĐQT	13/09/2023	Phê duyệt dự toán chi phí thiết kế và tư vấn giám sát cho công tác: Xử lý giảm tổn thất cột nước tại lưới chắn rác Tổ máy 1&2;...- NMTĐ Sông Bung 5	100%
43	247/QĐ-TVĐ1-HĐQT	13/09/2023	Phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chi phí công tác lập quy trình bảo trì công trình-NMTĐ Sông Bung 5	100%
44	253/QĐ-TVĐ1-HĐQT	18/09/2023	Thông qua việc bổ sung mục đích vay vốn tín dụng năm 2023-2024 tại các Ngân hàng TMCP	100%
45	24/NQ-TVĐ1-HĐQT	25/09/2023	- Công tác cán bộ tại Đoàn Khảo sát Công trình Điện	100%
			- Công tác cán bộ tại Công ty TNHH MTV TVXD Điện 3 Đà Nẵng	100%
46	265/QĐ-TVĐ1-HĐQT	02/10/2023	Phê duyệt dự toán các công tác chuyên ngành tại NMTĐ Sông Bung 5	100%

*Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1*

47	271/QĐ-TVĐ1-HĐQT	16/10/2023	Phê duyệt dự toán chi phí mua thiết bị Máy toàn đặc điện tử TM60	100%
48	25/NQ-TVĐ1-HĐQT	19/10/2023	Điều động, bổ nhiệm cán bộ giữ chức vụ Phó chánh Văn phòng	100%
49	26/NQ-TVĐ1-HĐQT	27/11/2023	Quy chế quản lý người đại diện của Công ty tại công ty con	100%
50	27/NQ-TVĐ1-HĐQT	28/11/2023	- Công tác cán bộ tại Đoàn Khảo sát Công trình Điện	100%
			- Giao người tiếp tục thực hiện chức trách, nhiệm vụ Giám đốc TT Tư vấn Thủy điện	100%
			- Giao người tiếp tục thực hiện chức trách, nhiệm vụ KTT Công ty TNHH MTV KSTKXD Điện 4	100%
51	28/NQ-TVĐ1-HĐQT	19/12/2023	Điều chỉnh mức lương cơ sở	100%
52	29/NQ-TVĐ1-HĐQT	21/12/2023	- Phê duyệt dự toán mua máy khoan	100%
			- Công tác cán bộ tại Đoàn TVGS thủy điện Thượng Kơ Mư	100%
53	331/QĐ-TVĐ1-HĐQT	25/12/2023	Phê duyệt dự toán thay thế gioăng của van cung. Hạng mục đập trả NMTĐ SB 5	100%

1.6. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Tham gia công tác quản trị Công ty và giám sát hoạt động của HĐQT với tư cách là thành viên độc lập theo qui định của Điều lệ công ty và pháp luật của nhà nước.

2. Ban kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Ngày không còn là thành viên BKS/Trưởng BKS	Trình độ chuyên môn
1	Ông Nguyễn Hồng Quang	Trưởng ban	27/06/2023		Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
2	Bà Cao Thúy Nga	Trưởng ban	26/04/2016	27/06/2023	
3	Bà Cao Thúy Nga	Thành viên	26/04/2016		Thạc sỹ kinh tế
4	Bà Nguyễn Hoàng Điệp	Thành viên	26/04/2016		Thạc sỹ kinh tế
5	Ông Mai Hữu Thung	Thành viên	01/2008	27/06/2023	Cử nhân tài chính-kế toán

Nhiệm kỳ của Trưởng BKS và các thành viên

Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm kỳ
Ông Nguyễn Hồng Quang	Trưởng ban	2023-2028
Bà Cao Thúy Nga	Thành viên	2023-2028
Bà Nguyễn Hoàng Điệp	Thành viên	2023-2028
Ông Mai Hữu Thung	Thành viên	2008-2023

Những người có liên quan tới các bà Cao Thúy Nga, Nguyễn Hoàng Điệp không sở hữu cổ phần cũng như không có các khoản nợ đối với Công ty.

- Ông Nguyễn Hồng Quang, Giới tính: Nam, Sinh ngày: 27/10/1979, Nơi sinh: Đống Đa, Hà Nội, Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Địa chỉ thường trú: Hà Nội

- Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại EVN: Phó Trưởng ban KTGS.
- Số CP nắm giữ: 0 Cổ phần, chiếm 0,000% vốn điều lệ
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Thù lao 6,48 triệu đồng/tháng.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.

## 2.2. Cuộc họp của BKS

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Mai Hữu Thung	02	40%	100%	
2	Bà Nguyễn Hoàng Điệp	05	100%	100%	
3	Bà Cao Thúy Nga	05	100%	100%	
4	Ông Nguyễn Hồng Quang	03	60%	100%	

## 2.3. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Kiểm tra, giám sát để đảm bảo Công ty hoạt động theo đúng Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như các Nghị quyết/Quyết định/văn bản chỉ đạo của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
- Tham dự các cuộc họp của HĐQT, đóng góp các ý kiến trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình; chủ động đề xuất với HĐQT một số vấn đề như: kế hoạch sản xuất kinh doanh, công tác tài chính kế toán, thu hồi công nợ, đơn vị kiểm toán độc lập; tham gia công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, đảm bảo công tác này được thực hiện nghiêm túc và đúng pháp luật; kiểm tra và thẩm định báo cáo tài chính năm 2022; thường xuyên trao đổi thông tin, tài liệu liên quan để thực hiện nhiệm vụ của BKS.
- Giám sát, Đánh giá tình hình khắc phục, lành mạnh tài chính của Công ty.
- Rà soát tình hình thực hiện kiến nghị của Ban kiểm soát tại Biên bản kiểm soát năm 2022.
- Đánh giá tình hình giải quyết đơn thư, khiếu nại của người lao động...
- Thực hiện kiểm soát trực tiếp tại Trụ sở Công ty từ 30/11/2023 đến ngày 01/12/2023 kiểm tra, kiểm soát về hoạt động, BCTC đã được kiểm toán 6 tháng và BCTC tự lập 9 tháng năm 2023.

## 2.4. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc

- Ban kiểm soát đã chủ động phối hợp hoạt động thường xuyên, chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc.
- Ban kiểm soát nhận được đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan đến tình hình sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty và có nhiều ý kiến đóng góp, đề xuất với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc về các mặt hoạt động của Công ty.

## 2.5. Hoạt động khác của Ban kiểm soát

BKS đã tiến hành xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty...

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát
  - 3.1. Lương, thù lao của thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và thành viên Ban kiểm soát thực hiện năm 2023: HĐQT trình ĐHCĐ tại cuộc họp thường niên năm 2024.
  - 3.2. Các khoản lợi ích khác: Không
  - 3.3. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không
  - 3.4. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không
4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:
  - Công ty nghiêm túc thực hiện các quy định về quản trị công ty.

## **VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **1. Thông tin về đơn vị kiểm toán độc lập**

- Tên: Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
- Trụ sở chính : 01 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Phone: (84-24) 38241990
- Fax: (84-24) 38253973
- Kiểm toán viên chính thực hiện kiểm toán cho Công ty:
  - + Bà Cáp Thị Hà, Phó Tổng Giám đốc, Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0725-2023-002-1.
  - + Bà Đoàn Thị Thúy, Kiểm toán viên, Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0937-2023-002-1.

### **2. Ý kiến kiểm toán đối với Báo cáo tài chính hợp nhất**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 được lập ngày 29 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 46, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **2.1. Trách nhiệm của Kiểm toán viên:**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh

giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## **2.2. Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## **2.3. Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến Thuyết minh số 34 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất trong đó mô tả về các vụ kiện mà Công ty còn đang tranh chấp đang chờ phán quyết cuối cùng của Tòa án.

**Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp thuận toàn phần của chúng tôi.**

## **2.4. Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính hợp nhất này tại ngày 31/03/2023.

## **3. Ý kiến kiểm toán đối với Báo cáo tài chính riêng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 được lập ngày 29 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 47, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

### **3.1. Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực

và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **3.2. Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **3.3. Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến Thuyết minh số 35 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng trong đó mô tả về các vụ kiện mà Công ty còn đang tranh chấp đang chờ phán quyết cuối cùng của Tòa án.

**Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp thuận toàn phần của chúng tôi.**

### **3.4. Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 31/03/2023.

## **VIII. Công bố thông tin**

1. Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1 (mã CK TV1) cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.



2. Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.
3. Ý kiến của đơn vị kiểm toán độc lập về Báo cáo tài chính hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được đăng trên Tạp chí Chứng khoán, Cơ quan của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - Bộ Tài Chính.

Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2024  
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Hữu Chính**